

BÀI DỰ THI

Tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai

năm 2017

*

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên: Hoàng Thị Thoa

Ngày sinh: 20/6/1994

Giới tính: Nữ

Dân tộc: Tày

Nghề nghiệp: Công an

Chức vụ đảng: Đảng viên

Chức vụ đoàn: Đoàn viên

Nghề nghiệp: Cán bộ phòng PA88 – Công an tỉnh Đồng Nai.

Nơi thường trú: C2, tổ 9, KP2, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

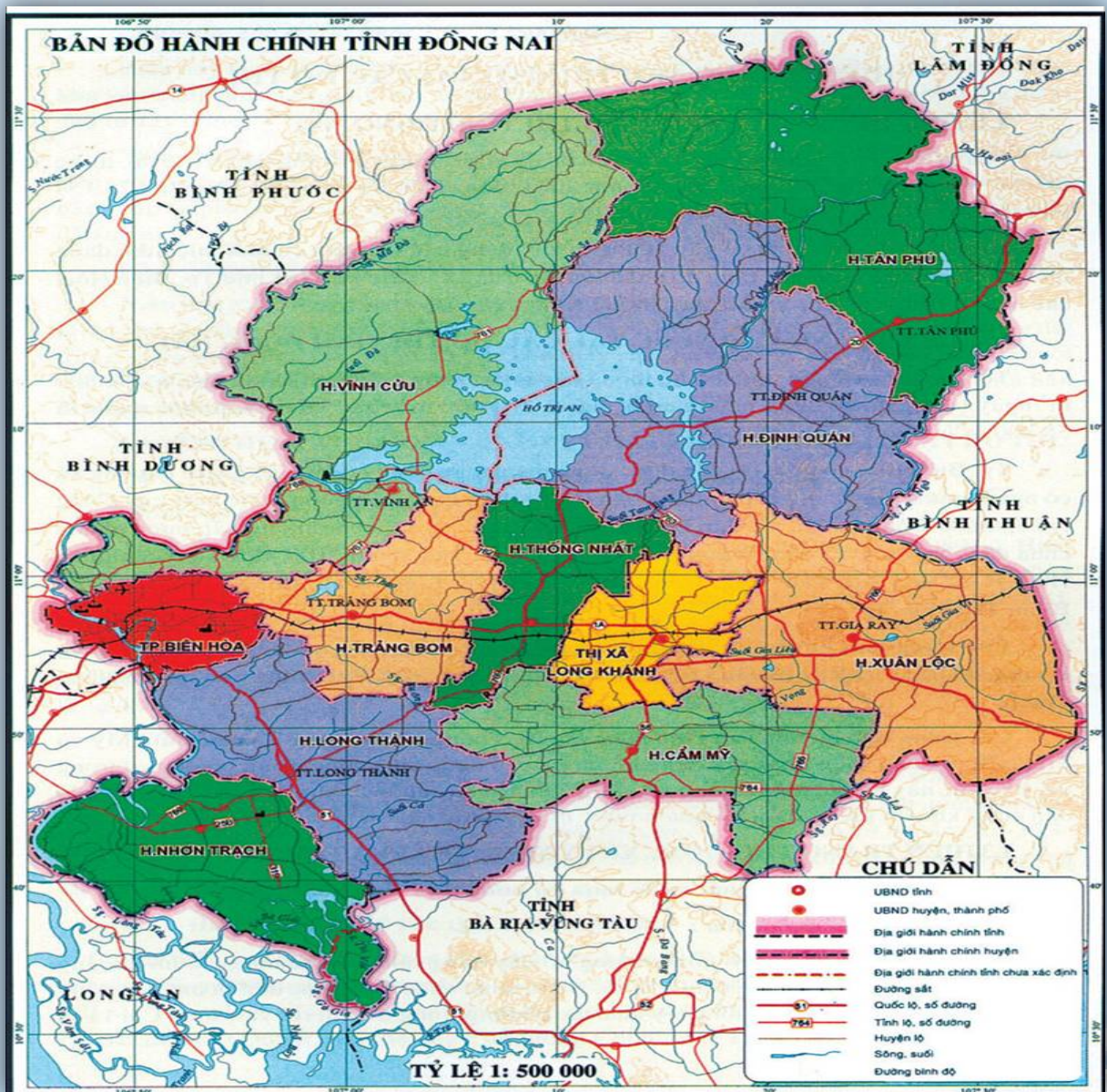
Số điện thoại: 0986 149 431.

Địa chỉ email: thoa1994@gmail.com

BÀI DỰ THI

Tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai

năm 2017



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI

Lời mở đầu,

Hội thi “Tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai” thực sự đã đem lại cho tôi rất nhiều ý nghĩa. Tham gia cuộc thi, giúp tôi hiểu biết nhiều hơn về con người, về địa lý lịch sử vùng đất Đồng Nai, nơi có chiến khu D, có Rừng Xác, có những vị anh hùng sẵn sàng xả thân vì độc lập, nơi có những Đình, những Miếu đậm chất tôn nghiêm, nơi có những truyền thống văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, có những vị lãnh đạo Đảng thông minh, sáng suốt, có những con đường in dấu những chiến công... nơi có con sông Đồng Nai yên bình trôi êm ả, có Văn miếu Trấn Biên - biểu tượng của tự hào, có bưởi Tân Triều thanh ngọt, có những vựa trái cây thơm mát lòng người... Yêu lắm quê hương Đồng Nai!

Cảm ơn Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Đồng Nai đã tổ chức cuộc thi góp phần tuyên truyền giáo dục cho toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ hiểu rõ hơn về những giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai qua các thời kỳ, hướng tới kỷ niệm 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Tất cả đã làm sáng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh “dân ta phải biết sử ta”, rồi từ đó con người Đồng Nai mới thêm yêu xứ sở, con người Đồng Nai.

Qua đây, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Thư viện Công an tỉnh Đồng Nai, đã cung cấp cho tôi những hình ảnh, tư liệu, các sách báo, tạp chí... cùng tất cả mọi người đã cung cấp tài liệu và tạo mọi điều kiện cho tôi hoàn thành tốt bài dự thi của mình.

Bài dự thi có tính chất sưu tầm tư liệu nên không tránh khỏi sai sót, rất mong có được sự đóng góp của quý Ban Giám khảo và bạn đọc. Xin chân thành cảm ơn.

Tác giả kính bút.

Phần câu hỏi:

Câu 1: Anh (chị) hãy nêu khái quát lịch sử hình thành và phát triển địa lý hành chính vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai từ năm 1698 đến khi hình thành tỉnh Đồng Nai hiện nay. Những đặc điểm văn hóa truyền thống của các dân tộc ở Đồng Nai.

Câu 2: Anh (chị) hãy nêu những hiểu biết và cảm nhận về di tích Văn miếu Trấn Biên, nêu những giải pháp thiết thực về hoạt động phát huy di tích này nhân dịp kỷ niệm 320 năm hình thành, phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai (1698 -2018).

Bài dự thi:

Câu 1:

I. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển địa lý hành chính vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai từ 1698 đến khi hình thành tỉnh Đồng Nai hiện nay:

1.Vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai từ ngày khởi dựng

Cột mốc đánh dấu lịch sử hành chính của Đồng Nai thường được

định vị là năm Mậu Dần (1698) khi chúa Nguyễn sai Thống suất Chương cơ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý phương Nam, đưa vùng đất Đồng Nai (lúc này, từ Đồng Nai hay vùng đất Đồng Nai là ám chỉ cả một vùng Nam

Bộ rộng lớn của bây giờ) vào lãnh thổ cai quản của Chúa Nguyễn. Nhưng trước đó, thân dân của Chúa Nguyễn đã là chủ nhân của xứ Đồng Nai nhưng với tính chất tự phát. Nguyễn Hữu Cảnh

đặt vùng đất mới thành phủ Gia Định, chia làm 2 huyện: huyện Phước

Long (Đồng Nai) ở phía Đông sông Sài Gòn dựng dinh **Trần Biên**, huyện Tân Bình ở phía Tây sông Sài Gòn dựng dinh **Phiên Trần** (Gia Định) - Dinh có nghĩa là trại quân gìn giữ bờ cõi. Mỗi dinh có các chức quan: Lưu thủ, cai bộ, ký lục; chiêu mộ thêm người có vật lực từ các vùng khác vào lập nghiệp và phát triển kinh tế, đặt thôn làng, lân, ấp; chuẩn định thuế đinh điền. Lúc ấy, dân số gồm cả Trần Biên và Phiên Trần hơn 4 vạn hộ.

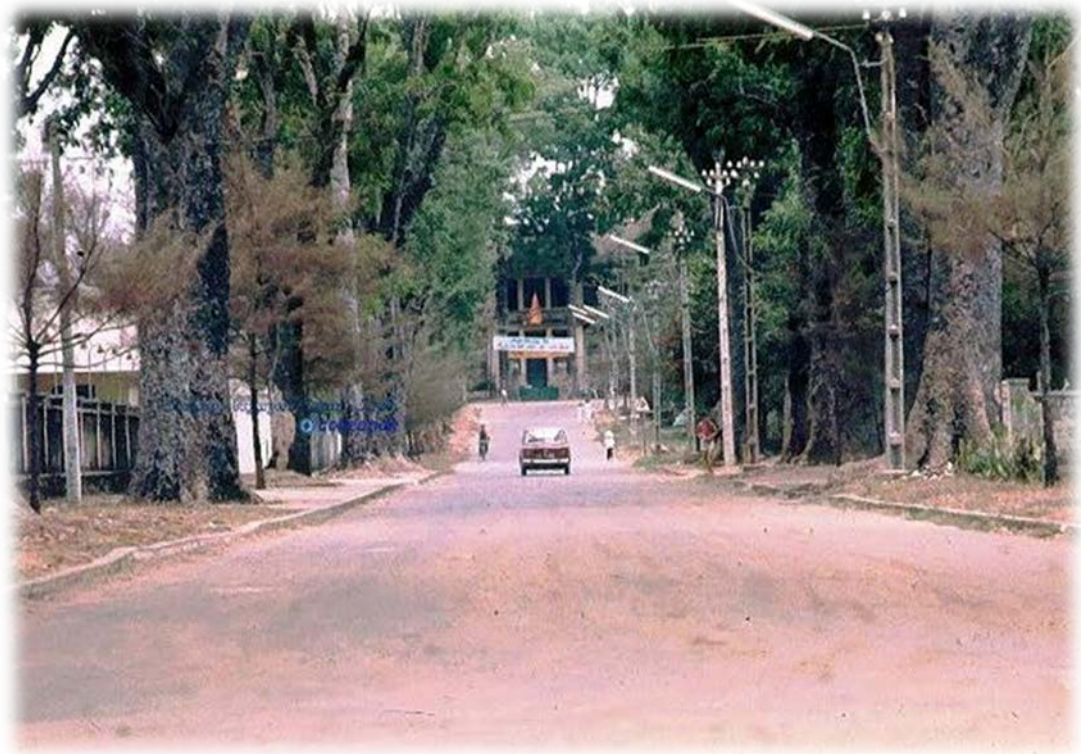
Năm 1715, Chúa Nguyễn Phước Châu sai trấn thủ Nguyễn Phan Long và ký lục Nguyễn Khánh Đức lập Văn miếu ở thôn Bình Thành - Tân Lại (nay là Văn miếu Trần Biên thuộc phường Bửu Long - thành phố Biên Hòa) nhằm khuyến khích nho học, báo hiệu Đồng Nai không chỉ giỏi làm ăn, buôn bán; còn là xứ sở của văn vật, trọng đạo lý thánh hiền.

Mặc dù tài liệu sử sách ghi chép vắn tắt, nhưng ắt hẳn những công việc thực thi trong chuyến kinh lược này đầy phức tạp, khó khăn bởi lẽ vùng đất này “*dưới sông sấu lội, trên rừng cọp um*” nhưng vì lẽ “*đất rộng,*



Hình 1: Cầu Mát trước Dinh Tham Biện xưa gọi là cầu Quan. Cây cầu này chỉ dành riêng cho các quan lớn ngày lễ ra xem các cuộc vui tổ chức trên sông: thuyền hoa đăng, bơi lội đua, thả vịt...; địa điểm hiện nay là Nhà thiếu nhi tỉnh Đồng Nai.

người thua” nên trở thành “miền đất hứa” cho những di dân tránh cái nghèo khổ, xã hội hà khắc hay một lý do nào đó nơi “quê cũ” đã tìm đến



Hình 2: Đường Lê Văn Duyệt (cũ) nay là đường Hoàng Minh Châu (hình sưu tầm)

Trần Biên bằng nhiều cách, lần hồi tiếp diễn. Với tầm nhìn chiến lược, định hướng phát triển bằng những cụ thể về hành chính, kinh tế, quân sự, chính sách an dân, hòa hợp với lợi ích dân tộc... Nguyễn Hữu Cảnh là người có công lao to lớn trong việc hoàn tất về mặt pháp lý: “*Dân khai mở trước, nhà nước quản lý sau*” ở vùng Đồng Nai - Gia Định, mở mang biên cương, lãnh thổ nước Việt trong một thời kỳ lịch sử đầy biến động vào nửa cuối thế kỷ XVII.

Địa danh “Đồng Nai” xuất hiện đầu tiên bằng chữ Nôm và Quốc Ngữ vào năm 1772, trong cuốn tự điển Việt La (Annam – Latin) của ông Pigneau de Béhaine. Nhà văn Bình Nguyên Lộc (bút hiệu Nai Đồng Bằng) đã ghi nhớ lại vùng này trước kia hươu nai chiếm số lượng lớn, sống thành bầy, tìm đồng cỏ, trảng, ở ven sông phơi mình ăn lá cây, uống nước ngọt... Ngoài các địa danh miền Đông Nam Việt bằng chữ Nôm như: Hang Nai, Nhà Nai, Hồ Nai, ... (do truyền miệng), Bà Rịa, Bà Rá (Phước Long), Bà Điểm, Bà Quẹo,... (Hoóc Môn) Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Na,... (Sông Bé -

Phước Long) (do sự tích, hoặc phiên âm địa phương) đa số địa danh quận, tổng, làng, xã miền Đông Nam bộ mang tên tốt đẹp: Long Thành, Long Hưng, Long Bửu,... Phước Long, Phước Tuy, Biên Hoà, Hiệp Hoà, An Hoà,... Tân Uyên, Tân Ba, Tân Hạnh, Tân Hưng,... có lẽ đã do các quan chức triều đình nhà Nguyễn đặt danh hiệu hành chính. Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn cũng ghi: “*Chợ Lộc Dã ở phía nam hạ lưu Phước Long (sông Đồng Nai, NV chú) huyện Phước Chánh, nguyên xưa là cánh đồng hươu nai ở, nên đặt tên ấy, hoặc gọi Lộc động, tục danh chợ Đồng Nai cũng là chỗ này. Xét sáu tỉnh Gia Định mà thông xưng là Đồng Nai, vì khi đầu khai thác từ chỗ Đồng Nai mà trước hết, nên cứ chỗ gốc cũng gồm đủ chỗ ngọn*”.

Có truyền thuyết cho biết nguyên nhân vài địa danh đã được vua Gia Long Nguyễn Ánh ghé tạt qua địa phương lúc bôn đào, hay khi hồi phục đất đai, chống lại nhà Nguyễn Tây Sơn, về chiếm lại Sài Gòn năm 1788. Để kỷ niệm hành trình lưu trú khi bôn đào, ngày phục quốc, vài địa danh được đặt tên như sau: Long Thành (thành rồng), chòi Gia Long (rừng cây nhỏ, Bến Gỗ - An Hoà), thuộc tỉnh Biên Hoà. Địa danh Biên Hòa do tiếng “Bù Blih” của người Choro – một trong những cư dân bản địa từ xa xưa gọi... Địa danh này ra đời lúc nào chưa rõ nhưng có thể khẳng định Biên Hòa có một quá khứ đáng tin là nền văn minh miền Đông có đặc tính cá biệt của miền Nam Việt Nam nói riêng và toàn nước Việt Nam nói chung.

Vùng Trán Biên xưa – đất Đồng Nai ngày nay là xứ địa đầu của Nam Bộ mà các chúa, vua nhà Nguyễn không ngừng đặt làm nền móng cơ sở để mở mang lãnh thổ về phương Nam. Đây là “*vùng đất mở*” đóng một vai trò quan trọng trong tiến trình Nam tiến của dân tộc Việt.

Từ năm 1792, Nguyễn Ánh hoàn toàn làm chủ đất Trán Biên, Gia Định. Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, đổi phủ Gia Định thành trấn Gia Định, Trán Biên dinh thành Biên Hòa trấn. Đến năm 1808, lại đổi trấn Gia Định ra Gia Định Thành thống quản trấn Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên; Nguyễn Văn Nhơn làm tổng trấn, Trịnh Hoài Đức làm hiệp tổng trấn. Đến năm 1812, Lê Văn Duyệt làm tổng trấn.

Năm 1832, trấn Biên Hòa được vua Minh Mạng đổi thành tỉnh Biên

Hoà.

2.Vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai - Đầu triều Nguyễn đến khi thực dân Pháp Xâm lược (năm 1859)



Hình 3: Tỉnh Biên Hòa trong bản đồ Nam Kỳ lục tỉnh giai đoạn (1832 – 1862)

Trần Biên Hoà (1808 - 1832) hay tỉnh Biên Hòa (1832 - 1861, chữ Hán: 边和省) có địa giới hành chính hết sức rộng, bao gồm vùng đất các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Bình Dương và một phần thành phố Hồ Chí Minh ngày nay, với tổng diện tích lên đến trên 17.000 km². Năm 1832, Lê Văn Duyệt mất. Nguyễn Văn Quế và Bó chánh Bạch Xuân Nguyên vốn có hiềm khích, dựng vụ án Lê Văn Duyệt. Vua Minh Mạng cho xiềng mộ Lê Văn Duyệt, bãi bỏ chức tổng trấn, chia các trấn thành lục tỉnh. *Tỉnh Biên Hòa* có từ đây tức năm Minh Mạng thứ 13 (1832) và là một trong 6 tỉnh của Nam Kỳ (*Nam Kỳ lục tỉnh*).

Năm Minh Mạng thứ 18 (1837) đặt thêm phủ Phước Tuy; tách hai huyện Long Thành và Phước An của phủ Phước Long đặt thuộc phủ Phước Tuy trực thuộc tỉnh Biên Hòa, đồng thời tách phần đất phía bắc hai huyện này lập thành huyện mới Long Khánh với 6 tổng là Long Xương, Long Cơ, An Trạch, An Viễn, Tập Phước và Khánh Nhơn. Như vậy, tỉnh Biên Hòa có 2 phủ Phước Long và Phước Tuy; phủ Phước Long gồm 2 huyện Phước Chính, Bình An và kiêm nhiếp 02 huyện Phước Bình, Ngãi An; phủ Phước Tuy gồm huyện Long Thành và Phước An, và kiêm nhiếp huyện Long Khánh.

3. Vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai - Thời kỳ kháng chiến chống Pháp đến năm 1945

Năm 1864, thực dân Pháp chia ba tỉnh miền Đông Nam kỳ thành 7 tiểu khu chỉ huy, tỉnh Biên Hòa chia thành 2 tiểu khu: Biên Hòa và Bà Rịa; đến năm 1865, tiếp tục chia thành 13 sở Tham biện (sở Thanh tra). Tỉnh Biên Hòa được chia thành 5 sở, gồm: Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Long Thành, Bảo Chánh.



Hình 5: Thành kèn Biên Hòa. Tháng 12-1861, cố thành Biên Hòa rơi vào tay thực dân Pháp, quân đội Pháp xây dựng lại thành, thu gọn lại còn 1/8 so với trước và gọi là thành "Xăng đá" (Soldat), nghĩa là thành lính. Buổi sáng lính thường sử dụng kèn báo thức, âm thanh vang cả một vùng, nên dân địa phương gọi là "Thành Kèn"... (phường Quang Vinh, TP.Biên Hòa).

Năm 1866, quân Pháp tiếp tục chia miền Đông Nam bộ thành 13 địa hạt, trong đó tỉnh Biên Hòa bị chia làm các địa hạt như: Biên Hòa, Bà Rịa, Long Thành, Thủ Đức, Bảo Chánh.

Năm 1867, sau khi chiếm trọn 6 tỉnh Nam Kỳ, Pháp chia địa bàn Nam Kỳ thành 24 địa hạt Thanh tra. Tỉnh Biên Hòa chia ra làm 5 địa hạt: Biên Hòa, Bà Rịa, Bình An, Long Thành, Ngã An.

Ngày 20 tháng 12 năm 1899, toàn quyền Đông Dương ra nghị định đổi tên sở tham biện thành tỉnh. Tỉnh Biên Hòa thành lập trên cơ sở địa hạt Biên Hòa.

Năm 1901, tỉnh lỵ Biên Hòa đặt tại xã Bình Trước (tức Biên Hòa ngày nay) gồm 15 tổng, 151 làng. Năm 1939, tỉnh Biên Hòa có 5 quận: Châu Thành, Long Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên và núi Bà Rá 16 tổng, 119 xã (theo *Thời sự Cẩm nang, trong Tự vị tiếng Việt miền Nam, Vương Hồng Sên, 1992*).

4. Vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai: Thời kỳ 1945 đến 1954

Trong chiến tranh Việt Nam, địa giới tỉnh nhiều lần thay đổi, chia tách và sáp nhập với các tỉnh khác. Theo đó sự phân chia tỉnh được thể hiện theo hai chế độ chính quyền lúc bấy giờ mà hiện nay sử sách, bản đồ còn lưu giữ thể hiện.

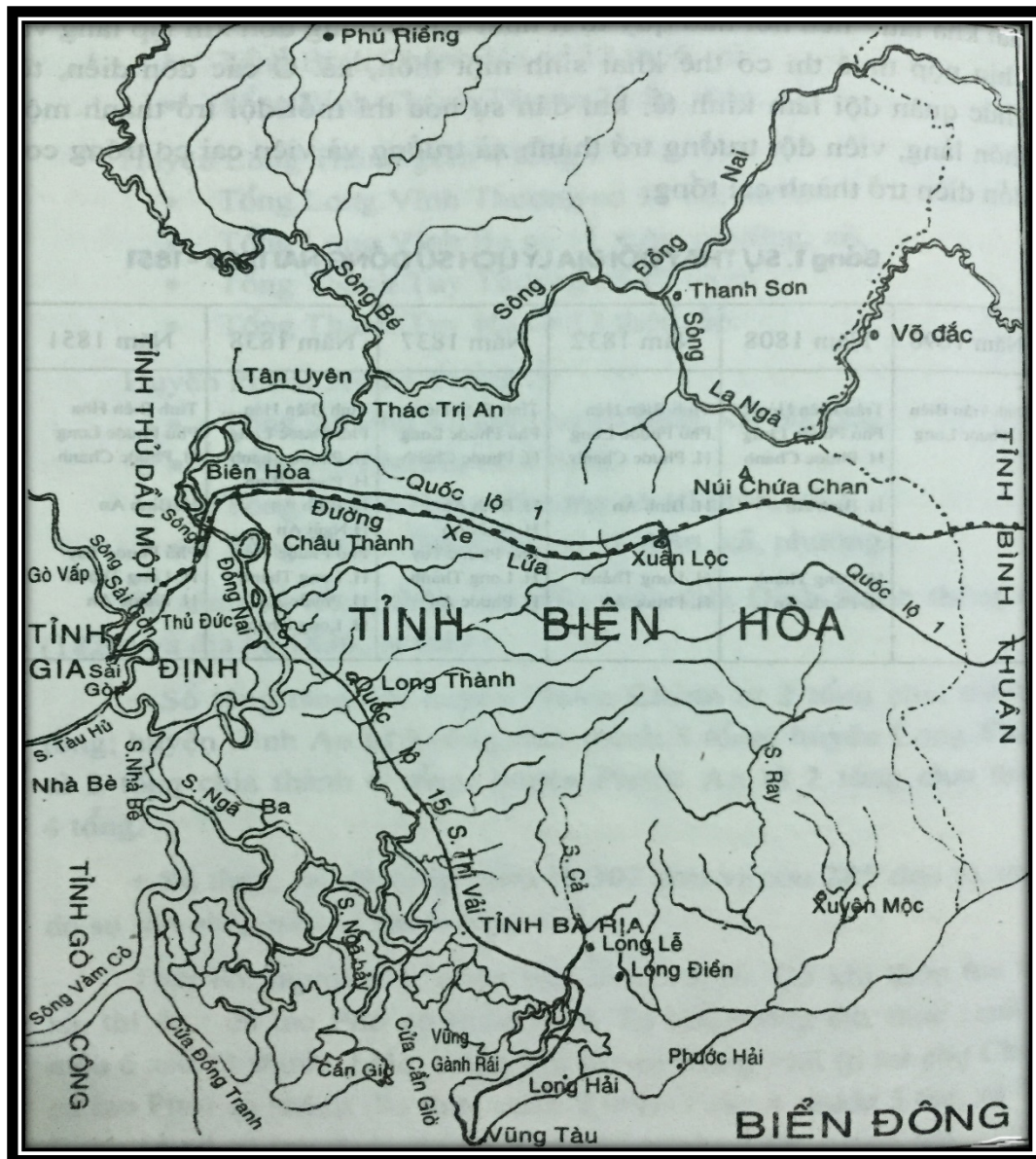
4.1. Phân chia theo chính quyền kháng chiến

Ý chí bất khuất chống Pháp cứu nước của người Đồng Nai như lửa lòng ủ trấu, đến khi Đảng cộng sản ra đời, khơi dậy truyền thống yêu nước, tập hợp lực lượng, phát huy được sức mạnh tổng hợp toàn dân. Sau Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Phú Riềng ra đời vào năm 1929; sáu năm sau (năm 1935), Chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều được thành lập gồm 5 đồng chí do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Bí thư, khởi đầu giai đoạn yêu nước chống Pháp ở Đồng Nai đi theo Chủ nghĩa Cộng sản dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau khi cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Ủy ban hành chính tỉnh Biên Hòa được thành lập, địa lý hành chính cơ bản được giữ nguyên, chỉ không có cấp tổng.

Tháng 5/1954, Trung ương cục miền Nam phân chia lại chiến trường Nam bộ, gồm phân liên khu miền Đông và phân liên khu miền Tây, sáp nhập một số tỉnh lại. Tỉnh Biên hòa và Thủ Dầu Một hợp thành tỉnh Thủ Biên, thuộc phân liên khu miền Đông. Tỉnh Thủ Biên có hai thị xã: Biên Hòa, Thủ Dầu Một và 7 huyện: Hớn Quản, Bến Cát, Lái Thiêu, Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Thủ Đức. Huyện Long Thành về tỉnh Bà – Chợ. Tỉnh Thủ Biên tồn tại đến tháng 4 năm 1955.

4.2. Phân chia theo chính quyền thực dân Pháp

Tỉnh Biên Hòa vẫn giữ nguyên cơ cấu như giai đoạn trước, đến năm 1951, quận Bà Rá đổi thành quận sông Bé và cắt về tỉnh Thủ Dầu Một; năm 1953 quận Bà Rá lại chia đôi, thành hai quận Sông Bé và Bù Đốp (thuộc tỉnh Thủ Dầu Một).



Hình 6: Bản đồ tỉnh Biên Hòa dưới thời cai trị của thực dân Pháp (ảnh chụp lại từ sách Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành & phát triển – NXB Đồng Nai)

5. Vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai – Thời kỳ 1954 đến 1975:

5.1. Phân chia theo chính quyền kháng chiến

Kết quả kháng chiến chống Pháp của quân dân Biên Hòa đã góp phần quan trọng trong thắng lợi chung ở chiến trường Nam bộ, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ.

Từ năm 1955, chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã nhiều lần tách nhập tỉnh Biên Hòa với các tỉnh Thủ Dầu Một, Bà Rịa - Long Khánh, với các tên gọi: Biên Hòa, Long Khánh, Thủ Biên, Bà Biên, Bà Rịa - Long Khánh, U1 (*một đơn vị chiến trường ngang cấp tỉnh được thành lập tháng 9/1965 gồm thị xã Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu, đến tháng 10/1967 có thêm huyện Trảng Bom*), phân khu 4, phân khu Thủ Biên, tỉnh Tân Phú.

Tháng 7/1961, tỉnh Thủ Biên được tách thành 3 tỉnh: Thủ Dầu Một, Biên Hòa và Phước Thành. Tỉnh Biên Hòa được thành lập lại gồm các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch và thị xã Biên Hòa.

Từ tháng 3/1963 đến tháng 12/1963 và từ tháng 11/1966 đến tháng 10/1967, sáp nhập với tỉnh Bà Rịa thành tỉnh Bà Biên. Tháng 4/1964, thị xã Biên Hòa được tách ra thành lập một đơn vị hành chính riêng, trực thuộc Khu ủy miền Đông. Tỉnh Biên Hòa còn lại các huyện: Long Thành, Nhơn Trạch, huyện Cao Su, Ban cán sự di cư. Đầu năm 1965, thị xã Biên Hòa được nâng lên thành một đơn vị tương đương cấp tỉnh, có phiên hiệu là U1, gồm thị xã Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu. Như vậy, trên địa bàn Đồng Nai, thời kỳ này có 3 đơn vị hành chính cấp tỉnh: Biên Hòa (nông thôn), Long Khánh và U1 (Biên Hòa thị). Bên cạnh U1, tỉnh Biên Hòa có các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Ban cán sự Cao Su; tỉnh Long Khánh có thị xã Long Khánh và các huyện Xuân Lộc, Định Quán và huyện Cao Su.



Hình 7: Tỉnh Biên Hòa (1956 – 1975), chia làm 6 tỉnh: Biên Hòa, Bình Dương, Bình Long, Bình Phước, Long Khánh, Phước Tuy (chụp lại từ sách Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành & phát triển – NXB Đồng Nai)

Tháng 12/1967, thực hiện chủ trương chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam, các huyện Long Thành, Nhơn Trạch và huyện cao su Bình Sơn được sáp nhập với quận 1, quận 9, Nam huyện Thủ Đức, quận Cần Giờ (Sài Gòn), để lập Phân khu 4. Còn lại U1, gồm thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom. Năm 1971, chiến trường được bố trí lại thành hai phân khu: phân khu Bà Rịa và phân khu Thủ Biên. Tháng 10/1972, thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục miền Nam, các phân khu bị giải thể, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh và tỉnh Biên Hòa được lập lại. Tỉnh Biên Hòa thời kỳ này có các huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom (từ tháng 10 năm 1973 trở thành huyện Thống Nhất), Long Thành, Nhơn Trạch, Duyên

Hải, Tân Uyên, Dĩ An (từ năm 1973, Tân Uyên, Dĩ An trở về tỉnh Thủ Dầu Một), huyện cao su Bình Sơn và thị xã Biên Hòa.

Tháng 6/1973, tỉnh Biên Hòa được tách thành hai đơn vị ngang cấp tỉnh: Biên Hòa nông thôn (gồm các huyện: Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch, Duyên Hải, Cao Su); Biên Hòa đô thị được gọi là Thành phố Biên Hòa. Tháng 10/1973 Trung ương cục thành lập tỉnh Tân Phú (tỉnh căn cứ), gồm các huyện Tân Uyên, Phú Giáo và Định Quán (*theo Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành phát triển – NXB Đồng Nai 1998*). Tỉnh này tồn tại cho đến khi lập tỉnh Đồng Nai.

5.2. Phân chia theo chính quyền Sài Gòn

Về phía chính quyền Sài Gòn, Sắc lệnh 143-NV ngày 22/10/1956 của Tổng thống chia tỉnh Biên Hòa thành 4 tỉnh: Biên Hòa, Long Khánh, Phước Long (có thêm phần đất của tỉnh Thủ Dầu Một), Bình Long (có thêm phần đất của tỉnh Thủ Dầu Một). Theo Nghị định số 140-BNV/HC/ND của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ngày 02/5/1957, tỉnh Biên Hòa mới gồm 4 quận, 11 tổng, 84 xã:

+ Quận Châu Thành Biên Hòa, quận lỵ là Bình Trước, có 3 tổng: Phước Vĩnh Thượng, Phước Vĩnh Trung, Long Vĩnh Thượng. Ngày 07/02/1963 đổi tên thành quận Đức Tu, quận lỵ dời về Tam Hiệp.

+ Quận Long Thành, quận lỵ là Phước Lộc Xã, có 2 tổng: Thành Tuy Thượng, Thành Tuy Hạ.

+ Quận Dĩ An, quận lỵ là An Bình Xã, có 3 tổng: An Thủy, Chánh Mỹ Thượng, Long Vĩnh Hạ.

+ Quận Tân Uyên, quận lỵ là Uyên Hưng, có 3 tổng: Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ, Phước Vĩnh Hạ.

Ngày 23/01/1959, tách một phần đất quận Tân Uyên, cùng phần đất của các tỉnh khác lập tỉnh Phước Thành. Khi đó tỉnh Biên Hòa phía bắc giáp tỉnh Phước Thành, phía đông giáp tỉnh Long Khánh, phía đông nam giáp tỉnh Phước Tuy, phía tây và tây nam giáp hai tỉnh Gia Định và Bình Dương.

Ngày 09/9/1960, tách một phần đất quận Long Thành, lập quận Nhơn Trạch, quận lỵ đặt tại Phú Thạnh. Quận Nhơn Trạch có 2 tổng: Thành Tuy Trung (7 xã) và Thành Tuy Hạ (6 xã). Đồng thời nhập 2 quận

Quảng Xuyên, Cần Giờ (tỉnh Phước Tuy) vào tỉnh Biên Hòa.

Ngày 22/3/1963, thành lập quận mới Công Thanh thuộc tỉnh Biên Hòa. Như vậy, tỉnh Biên Hòa có 8 quận là Đức Tu, Công Thanh, Tân Uyên, Dĩ An, Long Thành, Nhơn Trạch, Quảng Xuyên, Cần Giờ (bãi bỏ cấp tổng).

Ngày 17/11/1965, cắt 2 quận Quảng Xuyên, Cần Giờ thuộc tỉnh Biên Hòa nhập về tỉnh Gia Định. Tỉnh Biên Hòa còn 6 quận. Tỉnh Biên Hòa tồn tại đến tháng 4/1975 (theo công báo VNCH).

6. Vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai - Từ năm 1975 đến khi thành lập tỉnh Đồng Nai

Trong chiến dịch Mùa Xuân năm 1975, Biên Hòa là chiến trường nóng bỏng. Xuân Lộc được địch xây dựng thành cánh cửa thép của chế độ Sài Gòn. Sau hai mươi một ngày đêm quyết chiến, quân cách mạng đã mở tung cánh cửa này ngày 21/4/1975 để đại quân tiến vào giải phóng Sài Gòn, kết thúc chiến tranh.

Lúc 6 giờ sáng ngày 30/4/1975 lịch sử, lá cờ Tổ quốc được nữ đồng chí Trương Thị Sáu treo cao tại Tòa hành chính ngay ở thị xã Biên Hòa. Từ đây, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai cùng cả nước sống trong hòa bình, độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.



Hình 8: Nhân dân TP. Biên Hòa mừng ngày giải phóng 30/4/1975 ngay trước Công trường Sông Phố.

Năm 1976, chính quyền mới hợp nhất tỉnh Biên Hòa, tỉnh Long Khánh và tỉnh Phước Tuy thành **tỉnh Đồng Nai**. Thị xã Biên Hòa là nơi đặt tỉnh lỵ và được nâng cấp thành thành phố Biên Hòa - đô thị loại 3, trực thuộc tỉnh Đồng Nai. Khi hợp nhất, tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu và 9 huyện: Châu Thành, Duyên Hải, Long Đất, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân

Lộc, Xuyên Mộc. Tỉnh lỵ đặt tại thành phố Biên Hòa. Đến tháng 7/1976, huyện Cao Su giải thể, một phần sáp nhập với huyện Xuân Lộc, một phần được nhập về khu Kỹ nghệ.

Những thay đổi địa giới hành chính qua các năm:

- Ngày 23/12/1978, theo Quyết định 272.CP của Chính phủ sáp nhập xã Hồ Nai 1 và xã Hồ Nai 2 của huyện Thống Nhất vào thành phố Biên Hòa.

- Ngày 29/12/1978, theo Nghị quyết của kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa VI chuyển huyện Duyên Hải (nay là huyện Cần Giờ) về thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

- Ngày 09/12/1982, theo Quyết định số 193.HĐBT thành lập huyện Trường Sa, trước đây vốn thuộc huyện Long Đất (Đồng Nai). Huyện Trường Sa bao gồm toàn bộ khu vực quần đảo Trường Sa.

- Ngày 28/12/1982, theo Nghị quyết của Quốc hội khóa VII, kỳ họp thứ 4, sáp nhập huyện Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai vào tỉnh Phú Khánh (sau này thuộc tỉnh Khánh Hòa).

- Ngày 23/12/1985, Quyết định 284.HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng chuyển huyện Vĩnh Cửu thành thị xã Vĩnh An.

- Ngày 10/4/1991, Quyết định 107.HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng chia huyện Xuân Lộc thành 2 huyện: Xuân Lộc và Long Khánh; chia huyện Tân Phú thành 2 huyện: Tân Phú và Định Quán.

- Đến năm 1991, tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính gồm: thành phố Biên Hòa (tỉnh lỵ), thị xã Vĩnh An và 9 huyện: Châu Thành, Định Quán, Long Đất, Long Khánh, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Xuân Lộc, Xuyên Mộc.



Hình 9: Bản đồ hành chính tỉnh Đồng Nai sau năm 1994

- Ngày 12/8/1991, kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa VIII ra Nghị quyết chia tỉnh Đồng Nai thành 2 tỉnh: Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu. Tỉnh Đồng Nai gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Vĩnh An và 6 huyện: Định Quán, Long Khánh, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Xuân Lộc. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gồm thành phố Vũng Tàu và 4 huyện: Châu Thành, Côn Đảo, Long Đất, Xuyên Mộc.

- Quyết định 219-TTg ngày 10 tháng 05 năm 1993 của Thủ tướng

Hình 14, 15: Đường Lê Văn Duyệt (cũ) nay là đường Hoàng Minh Châu



Hình 16,17: Thị xã Long Khánh nhìn từ trên cao những năm 1960 và ngày nay.



Hình 18: Tượng đài chiến thắng tại Long Khánh.



*Hình 19, 20, 21:
Trường trung học
phổ thông Ngô
Quyền phát triển qua
các thời kỳ.*



*Hình 22, 23: Bùng binh
đường Cách mạng tháng
Tám xưa và nay.*

II. Những đặc điểm văn hóa truyền thống của các dân tộc ở Đồng Nai:

Lịch sử hình thành phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai gần 320 năm trải qua nhiều biến cố lịch sử với những thăng trầm biến động cùng các cư dân được xem là bản địa như Choro, Mạ, Koho, Xtiêng; vùng đất phù sa màu mỡ được con sông Đồng Nai vun bồi là “miền đất hứa” đã đón nhận các cộng đồng dân tộc cả nước về định cư sinh sống, lao động, theo đó là những phong tục tập quán truyền thống, những tín ngưỡng dân gian, tôn giáo, tạo nên sự giao lưu tiếp biến về văn hóa, góp phần làm phong phú, đa dạng đời sống tinh thần, tín ngưỡng tâm linh ở địa phương.

Các dân tộc ở Đồng Nai có truyền thống yêu nước và đấu tranh kiên cường, đặc biệt từ khi chính quyền Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, chính quyền tay sai miền Nam thực hiện chế độ thực dân mới. Tinh thần đoàn kết ấy đã diễn ra liên tục trên nhiều địa bàn, quy tụ tất cả các tầng lớp nhân dân, không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, giới tính... trong suốt cuộc đấu tranh chống xâm lược, giành độc lập của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai làm nên truyền thống “*miền Đông gian lao mà anh dũng*”. Minh chứng rõ ràng nhất đó chính là những sự kiện lịch sử, những con người, những địa danh còn đậm dấu chiến công... Nhưng phải nói điểm nổi bật nhất của *truyền thống đoàn kết* thuận hòa giữa các dân tộc anh em cùng chung sống trên đất Đồng Nai là người ta không thấy nổi ra cuộc xung đột sắc tộc nào trong hơn 300 năm qua.

Về nền văn hóa Đồng Nai trước năm 1869 vào thế kỷ XV, XVII, Đồng Nai chưa có tên trên bản đồ nước Việt; song, tài liệu khảo cổ đã chứng minh người xưa sinh sống ở Đồng Nai từ rất sớm, cách đây nhiều nghìn năm từ buổi sơ khai, sống nghề chài lưới, canh nông, săn bắn, đã phát huy qua các thời đại từ đồ đá, đến đồng thau, sắt sớm... Các nơi như:



Hình 24: Đồ đá Đồng Nai

Hàng Gòn, Dốc Mơ, Dầu Giây, Suối Linh, Nam Cát Tiên, Phước Tân, Rạch Lá,... đều có dấu ấn vết người xưa với nếp sống quần cư, chế tác vũ khí và vật dụng sinh hoạt ở trình độ cao, có quan hệ giao lưu với văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh, Óc Eo và các nền văn minh khác trong khu vực Đông Nam Á. Những: *Mộ cổ Hàng Gòn, đàn đá Bình Đa, qua đồng Long Giao, cổ vật Nam Cát Tiên...* là di sản văn hóa chứng minh thời rục rờ của các nền văn minh cổ xưa.

Hiện nay, tỉnh Đồng Nai có các dân tộc sinh sống xếp theo dân số từ cao xuống thấp gồm: Kinh (chiếm số đông đảo nhất), kế đến là người Hoa, Nùng, Tày, Choro, Dao, Mường, Khome, Chăm, Mạ, Stiêng, Thái, Koro, Sán Dìu, Thổ và một số dân tộc khác như Hmông, Giarai, Ngái, Êđê, Bana, Hrê, Raglai, Bru Vân kiều, Giáy, Cotu, GiéTriêng, Tà Ôi, Kháng, Xinh Mun, Chu ru, Lào, La Chí, La Ha, Phù Lá, Mảng, Bó Y, Si la, Pu péo...nhưng số lượng không đáng kể. Tỉnh Đồng Nai là địa bàn có thành phần dân tộc cộng cư khá đông đảo, có trên 30 dân tộc sinh sống ở đây qua nhiều thời kỳ lịch sử. Mỗi dân tộc có những đặc trưng về lễ hội, văn hóa, tín ngưỡng... riêng nhưng tất cả đã hòa chung làm nên màu sắc độc đáo của văn hóa truyền thống Đồng Nai.

1. Tập quán, tín ngưỡng, dân gian

Tín ngưỡng: Người Đồng Nai cũng như người Việt Nam trong cả nước đều “*sống có nhà, thác có mồ*”, nhà không chỉ để trú nắng trú mưa, còn là trú sở và là nơi thờ của ông bà tổ tiên và thần linh.

Lễ hội truyền thống:

Cũng như các địa phương khác trong cả nước, người Đồng Nai cũng tổ chức các lễ hội truyền thống chung của cả dân tộc như Tết Nguyên Đán, Rằm Tháng Bảy, Tết Trung thu... Các lễ hội này được tổ chức vừa mang bản



Hình 25: Đua thuyền trên sông Đồng Nai

sắc văn hoá chung của dân tộc, vừa có nét đặc sắc riêng của văn hoá Đồng Nai. Mỗi lễ hội ở Đồng Nai đều có những nét tiêu biểu, giá trị riêng nhưng nội hàm chính của nó bao giờ cũng thể hiện những ý nghĩa sâu xa của cộng đồng người đối với thần linh, những con người có công với làng xã, quê hương, đất nước... Lễ hội là một nét đẹp văn hóa trong di sản văn hóa của mỗi dân tộc nói riêng, của nhân loại nói chung. Các lễ hội lớn của riêng Đồng Nai tiêu biểu là các lễ hội như:

- **Lễ Kỳ Yên (cầu an)** còn gọi là lễ vía thần được tổ chức tại các thời điểm khác nhau trong một năm. Nghi lễ của lễ Kỳ Yên cũng giống như nghi thức của lễ cúng Đình thần Nam Bộ bao gồm: lễ cúng Tiên hiền, Hậu hiền (nhằm tạ ơn các vị “*Tiên hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ*” và các bậc có công với làng, với đình), lễ rước thần, lễ dâng vật cúng thần và lễ tống ôn. Ba năm một lần có tổ chức hát bội, múa. Tại đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, lễ Kỳ Yên được tổ chức vào các ngày 26/6 và 11/11 âm lịch. Tại đình An Hòa, lễ Kỳ Yên được tổ chức vào ngày 15 và 16/8 âm lịch. Ngoài phần lễ còn có hội đua thuyền, xô giàn thí thực. Đến giờ Ngọ, giàn được xô ra cho mọi người cùng tranh lấy đồ cúng như là sự ban phát của thần linh. Đền



Hình 26: Quang cảnh một buổi lễ Kỳ Yên (hình minh họa).

thờ danh tướng Nguyễn Tri Phương, lễ Kỳ Yên được tổ chức vào ngày 16 và 17/10 âm lịch. Đình Tân Lâm thờ Trần Biên đô đốc Trần Thượng Xuyên, tổ chức lễ Kỳ Yên vào ngày 23/11 âm lịch.

- **Lễ Hội cúng Bà** ở mỗi miếu mỗi khác nhau, tùy vào ngày vía của mỗi Bà. Những ngày sóc, vọng, ngày Tết, ngày vía đất, các miếu bà được mở cửa cúng một lễ nhỏ bằng nhang, đèn, bông, bánh trái. Ngày vía mới là lễ chính. Có nơi cúng thường niên như nhau, có nơi đảo lệ 2, 3 năm một lần. Một vài miếu Bà ở Đồng Nai như: Bà Âu Cơ, Bà Ngũ Hành, Liễu Hạnh Công chúa, Bà Chúa Thượng ngàn, Thiên Hậu Thánh mẫu, Mẹ Thai sanh, Quan Âm Bồ tát...



Hình 27: Một lễ cúng Bà ở Miếu (hình minh họa)

Lễ Hội Chùa Ông Đồng Nai: Thất Phủ cổ miếu được gọi là chùa Ông vì vị thần được thờ chính ở đây là Quan Công – vị thần tượng trưng cho trung, hiếu, tiết, nghĩa... Chùa Ông ở đây còn có tên nữa là Miếu Quan Thánh Đế. Chùa được dựng vào năm 1684, gắn liền với quá trình khai hoang mở cõi vùng đất Biên Hòa. Sau đó, do chiến tranh tàn phá, ngôi chùa Ông gần như bị hư hại hoàn toàn. Đồng bào người Hoa ở đây mới góp tiền trùng tu lại ngôi chùa này vào các năm 1817, 1868 và 1894. Riêng

đợt trùng tu 2009-2010 là đợt trùng tu lớn, song tuân thủ nguyên tắc phục

chế theo nguyên mẫu, có tôn tạo nhưng không làm thay đổi kiểu thức đã có

nên giữ được kiến trúc đặc trưng của ngôi miếu của cộng đồng người Hoa

đã tồn tại trên 300 năm ở vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Hằng năm, cứ mỗi độ Xuân về, vào đầu tháng Giêng âm lịch, nhân dân và đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh đổ về di tích cấp quốc gia Chùa Ông (xã Hiệp Hòa, Tp. Biên Hòa) để tham dự lễ hội Chùa Ông. Lễ hội chùa Ông ngoài tổ chức nghi lễ chính thì còn có các chương trình đặc sắc khác như sân khấu hóa hoạt cảnh “Dấu ấn nguồn cội”, đờn ca tài tử trên sông Đồng Nai, biểu diễn tuồng cổ; biểu diễn múa lân – sư – rồng của các hội quán người Hoa; lễ thả bong bóng cầu phúc; lễ cúng trời và kết thúc lễ hội bằng nghi thức thả đăng trên sông Đồng Nai đêm 20-2 , tạo nên một khoảng trời rực rỡ và



Hình 28,29: Lễ hội ở Chùa Ông.

lung linh huyền ảo trong màn đêm.

* Các dân tộc bản địa ở Đồng Nai như: Chăm, Khmer, Choro... thờ đa thần tín ngưỡng nguyên thủy có liên quan mật thiết với nghề nông cổ truyền. Hàng năm cũng thường tổ chức các lễ hội đặc trưng của dân tộc mình: lễ Roja Haji của người Chăm, lễ hội Chôi Chanam Thmây của người Khmer, lễ cúng thần Lúa (Sa Yang Va) của người Choro, lễ hội Đâm trâu của người Mạ...



Hình 30:Đánh công chiêng trong Lễ hội Sayangva của đồng bào dân tộc Choro (sưu tầm).

2. Văn học – nghệ thuật

2.1. Văn học dân gian: Kho tàng văn học lưu truyền trong dân gian chủ yếu bằng cách truyền khẩu, gồm nhiều cách: tự sự trữ tình dưới các hình thức: truyện kể, thơ ca hò vè ...

- **Truyện kể :**

Ở đồng bào các dân tộc ít người, truyện kể là tài sản tinh thần quan trọng. Đó là "lịch sử" là luật tục, là hình mẫu nếp sống cổ truyền của cha ông, đồng thời cũng là cách để thư giãn tinh thần. Truyện kể của người Châu

Mạ, Châu Ro, Stiêng thường tự sự dưới hình thức văn vần mà Già làng thường kể trong không khí sinh hoạt cộng đồng ở nhà dài, ở các lễ hội gia đình hoặc cộng đồng. Người Châu Mạ, Châu Ro, Stiêng còn lưu truyền mảng thần thoại, truyền thuyết nhằm giải thích các hiện tượng tự nhiên và sự hình thành cộng đồng.

Còn truyện kể của người Việt không nhiều, do phát triển từ nhận thức, kinh nghiệm vốn sống đã trưởng thành nhiều trăm năm qua ở nguyên quán nên người Việt ở Đồng Nai không có thần thoại nguyên mẫu, vắng bóng truyền thuyết, truyện kể ít hư cấu hoang đường. Truyện loại này thường mang dấu ấn thần thoại tích hợp vào vùng đất mới giải thích về nguồn gốc địa danh, tên núi, tên sông hoặc những hiện tượng lạ của tự nhiên chưa giải thích.



Hình 31: Truyện kể Lục Vân Tiên

Ngoài ra còn có thể loại truyện cười được người Biên Hòa - Đồng Nai ưa thích, tiếp nhận từ tứ xứ.

- Ca dao - dân ca :

Tiếng Châu Mạ, Stiêng, Châu Ro giàu chất thơ. Những lời hát đối đáp giao duyên trong lao động và những bài ca nghi lễ thường đọng lại trong ca dao trữ tình.

Thơ ca dân gian của người Việt khá phong phú. Phong phú nhất là mảng ca dao trữ tình mang theo trong hành trang của người Việt đến xứ sở Biên Hòa - Đồng Nai.

Ngoài ra còn có nhiều ca dao, dân ca miền Trung, miền Bắc được biến thể đôi chút gắn với hoàn cảnh, địa lý địa phương phù hợp tâm tư cư dân vùng đất mới...

- Tục ngữ phương ngôn :

Tục ngữ phương ngôn của đồng bào dân tộc Châu Mạ, Châu Ro, Stiêng chủ yếu truyền khẩu qua lời nói, do các dân tộc ít người trên địa bàn Biên Hòa - Đồng Nai chưa có chữ viết.

Người Việt ở Đồng Nai kế tục vốn tri thức và tiếng nói của cha ông ở nguyên quán nên kho tàng tục ngữ, phương ngôn về kinh nghiệm sản xuất, quy tắc ứng xử ít có sự khác lạ so với xứ Bắc, xứ Trung.

2.2. Văn học viết

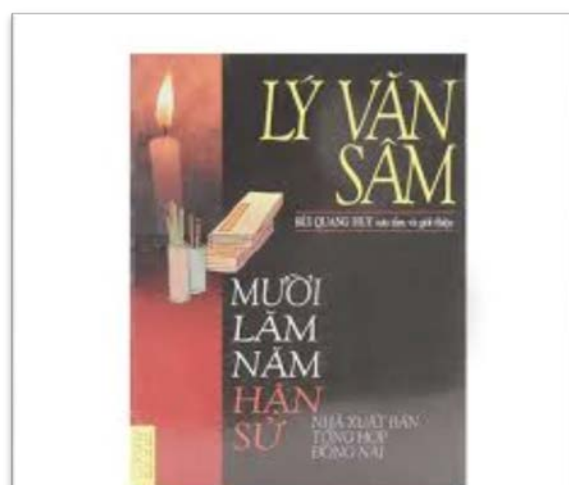
Văn học viết Đồng Nai cũng như cả vùng Nam bộ nói chung, chỉ thực sự xuất hiện khi vùng này có những trí thức Nho học thế kỷ XVII, khi đất Đồng Nai - Gia Định có tên trên bản đồ Đại Việt. Văn miếu Trấn Biên xây dựng năm 1715 chính là dấu ấn tôn vinh truyền thống văn hóa hiếu học xứ Đồng Nai.

Những năm 70 - 80 của thế kỷ XVIII, đội ngũ nho sĩ, cùng các tác giả văn học ra đời như: Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật, Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tịnh. Tác giả văn học, nhà văn hóa lớn nhất của Biên Hòa - Đồng Nai và cả xứ Nam bộ chính là Trịnh Hoài Đức.

Khi thực dân Pháp bắt đầu nổ súng tấn công xâm lược Việt Nam năm 1858, văn học viết ở Đồng Nai phát triển giàu tính chiến đấu và tính nhân văn sâu sắc với các tác giả Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa...

Khi Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời năm 1930, những người cầm bút (dĩ nhiên không phải là tất cả) cũng đã tìm cho mình ánh sáng ở mỗi trang viết đấu tranh cho độc lập tự do của đất nước. Đó là những cây bút: Huỳnh Văn Nghệ, Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bỏn.

Lý Văn Sâm là nhà văn xuất sắc nhất của văn học miền Nam thời kỳ 1945 - 1954. Hoàng Văn Bỏn là nhà văn có những tác phẩm phản ánh sâu rộng và toàn diện về con người và cuộc sống kháng chiến ở Đồng Nai.



Hình 32: Sách “Mười năm hận sử” tập hợp những tác phẩm của Nhà văn Lý Văn Sâm.

20 năm sau ngày miền Nam giải phóng, Đồng Nai đã hình thành một đội ngũ gồm nhiều thế hệ sáng tác, từ nhà văn tên tuổi như Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bồn đến các cây bút trẻ, nhiều cây bút đã trưởng thành nhanh chóng và được đứng trong hàng ngũ của Hội nhà văn Việt Nam như: Khôi Vũ, Nguyễn Đức Thọ, Cao Xuân Sơn, Trương Nam Hương,...

2.3. Nghệ thuật truyền thống

Do mới hình thành từ sự hội nhập của nhiều lớp dân cư cách đây hơn ba thập kỷ, ở Đồng Nai không có các làn điệu dân ca nào đặc thù, nhưng lại có gần đủ các loại dân ca xứ Trung, xứ Bắc, quan họ, ca Huế, ví dặm ...

Trong sinh hoạt thông thường, người Đồng Nai xưa có sinh hoạt nghệ thuật: hò hát, lý, kể vè, nói thơ, nói tuồng, đồng dao, đờn ca tài tử. Phổ biến ở Biên Hòa là hò cấy, hò chèo thuyền, hò giã gạo, hò đò dọc, hò rỗi, lý Đồng Nai, lý lu là, lý trèo lên. Các bài vè quen thuộc đã lưu truyền cả nước: vè Hương thân Cần, vè rượu ...

Thơ được kể ở Đồng Nai thường là truyện Nôm: Lục Vân Tiên, Lâm Sanh Xuân Nương, Phạm Công Cúc Hoa ...

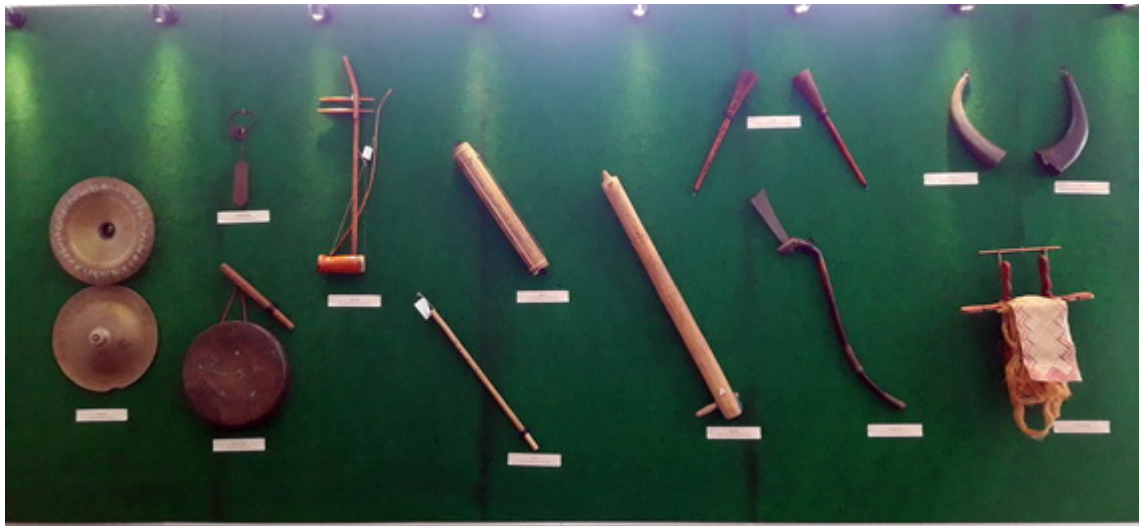
Nói tuồng thường được đặc diễn các trích đoạn tuồng tích Tàu hoặc tuồng tích dân gian.

Trong việc thực hiện nghi lễ có 2 hình thức diễn xướng nghệ thuật truyền thống đáng chú ý: xây châu, đại bội ở lễ hội Kỳ yên cúng đình và hát múa Địa - Nàng, bóng rỗi ở lễ hội cúng miếu.

Còn phải kể đến lối hát Tam Pót của dân tộc Mạ, một loại hình hát kể có vần điệu được lưu truyền trong cộng đồng người Mạ ở huyện Định Quán hiện đang được khôi phục lại.

2.4. Âm Nhạc Cổ Truyền:

Tiếp nối quá trình phát triển lịch sử, cư dân Miền Nam nói chung, người dân Đồng Nai nói riêng đã sáng tạo nên rất nhiều loại nhạc khí và thể loại ca nhạc để bộc lộ tâm tư tình cảm, để lưu truyền cho con cháu, hay để giao tiếp với thế giới thần linh trong tâm tưởng, ước mơ một cuộc sống ấm no hạnh phúc.



Hình 33: Các loại nhạc cụ được sưu tầm ở Đồng Nai (hình chụp tại triển lãm Thư viện tỉnh Đồng Nai)

Đồng Nai, quê hương của các loại nhạc cụ dân gian độc đáo như đàn đá Bình Đa, sáo trúc, chiêng đồng, thanh la, khèn bầu, khèn môi...

Việc tìm ra đàn đá Bình Đa ở Đồng Nai, được biết đến như một di chỉ khảo cổ học, cho thấy việc chế tác đàn đá đã xuất hiện từ trên dưới 3.000 năm trước. Loại nhạc khí này tự thân vang, thuộc loại xylophone, metallophone. Mỗi bộ đàn gồm nhiều thanh đá hợp thành. Mỗi thanh đá có kích thước và hình dáng khác nhau được chế tác bằng phương pháp ghè đẽo thô sơ (thời đồ đá). Vật liệu để làm đàn là những loại đá có sẵn ở vùng núi Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ. (Bộ đàn đá đầu tiên tìm được tại Việt Nam vào năm 1949 hiện được bảo quản tại viện bảo tàng "Con người" Ở Paris).

3. Ẩm thực:

Do thời tiết hai mùa mưa nắng nên các sản vật của biển, rừng, sông nước, vườn ruộng phong phú, cách ăn uống của người Đồng Nai vừa thể hiện nét chung của văn hóa Việt Nam, vừa có nét đặc biệt của người miền Nam.

Người Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng và Nam bộ nói chung thường ăn một ngày ba bữa: sáng ăn cháo đậu ăn với cá lóc kho tiêu, hay cháo đậu nước cốt dừa, trưa và chiều tối ăn cơm canh bầu nấu với cá trê vàng, hoặc cá lóc kho thơm, canh chua cá lóc, hay mắm kho ghém rau sống, mắm đồng chưng trứng, canh khổ qua dồn thịt...

Người Đồng Nai làm thức ăn công phu, nhiều kiểu cách. Như món hầm nấu như thịt heo thịt bò với một ít nước, tương tự như món tiềm của người Trung Hoa. Món canh thường nấu hỗn hợp thịt cá với các loại rau có vị mát, phổ biến và đặc trưng nhất là canh chua cá lóc với me chua và các loại rau như: bạc hà, giâm, đậu bắp, bắp chuối, rau om, ớt.



Hình 34: Món canh chua cá lóc.

Hay món nướng gắn với kiểu ăn dân dã, đồng thời cũng thông dụng với cách ăn sang trọng, thức nướng phải thật tươi và thường được ướp một ít gia vị.

Độc đáo nhất là các món gỏi, người Đồng Nai thích ăn gà trộn gỏi (gà xé phay) với vị chua của chanh, cay của tiêu ớt, nồng của rau răm, giòn tươi của bắp chuối, vị ngọt của gà tơ. Gỏi bưởi là một đặc sản nổi tiếng của Đồng Nai. Gỏi bưởi gồm bưởi Biên Hòa, loại vừa chín tới, còn hơi chua, xẻ nhỏ trộn với đu đủ, tép khô và rau thơm. Các loại gỏi sống, thường là cá sống, tôm sống, với kỹ thuật của đồng bằng Bắc Bộ lưu truyền vào Đồng Nai cũng đang là thứ đặc sản thu hút nhiều thực khách.

Thức chính trong của bữa ăn là chất từ gạo, nếp hoặc thêm bắp, khoai, củ. Cơm từ gạo là món ăn thường; xôi, nếp được dùng trong bữa lễ, giỗ, cưới hoặc cúng thần.

Thức uống, nổi tiếng phải kể đến *rượu nếp than* ở Đồng Nai và rất phổ biến ở Nam bộ. Ngoài ra, còn có rượu ngâu, rượu đế, rượu Gò Đen (Long An), Hòa Long (Long Đất), rượu gạo Bến Gỗ (Long Thành). Thức uống thường của người Đồng Nai là trà pha loãng, và vì xứ nóng nên đã hình thành thói quen uống trà đá sau này.

Về trái cây, ai đã nghe câu:

*“Biên Hòa có bưởi thanh trà
Thủ Đức nem nướng, Điện Bà
Tây Ninh”.*

Phải nói, bưởi đã trở thành đặc sản nổi tiếng nhất của vùng đất Biên Hòa mà hễ ai nhắc liền nhớ tới, nhất là bưởi xứ Tân Triều; không những thế Đồng Nai quanh năm đều là ngày hội của cây trái: chôm chôm, măng cụt,



cam, quýt, ổi, chuối, mít... Hình 35: Bưởi thanh trà, đặc sản nổi tiếng xứ Đồng Nai đặc biệt hơn cả, ai đã từng thử và bén hơi vị sầu riêng xứ Long Khánh, Long Thành thì không thể nào quên.

4. Trang phục và đồ trang sức:

Trang phục của miền Đồng Nai có chút thay đổi theo thời gian. Trang phục xưa gắn với hình ảnh áo quần bà ba ngắn, chiếc khăn rằn hoặc nón lá trong sinh hoạt lao động hằng ngày; những ngày lễ tết thì trau chuốt, lượt là hơn với bộ áo dài gấm hoặc the. Hiện nay bộ đồ truyền thống của đàn ông là khăn đóng áo dài chỉ xuất hiện trong dịp lễ hội cúng đình, chùa, miếu còn lại đã được thay thế bằng bộ âu phục. Trong khi đó những phụ nữ thì vẫn mặc áo dài và đầu đội nón lá. Mặc áo dài là trang phục độc đáo của Việt Nam thì phụ nữ Đồng Nai cũng theo nề nếp đó, đặc biệt là vào các ngày lễ hội.

Đồ trang sức của cư dân Đồng Nai từ thời tiền cổ được khai quật rất phong phú, đa dạng về loại hình và kiểu dáng như khuyên tai hai đầu thú, khuyên tai ba mấu, khuyên tai hình vành khăn, các loại hạt chuỗi, các loại vòng tay, lục lạc... được chế tác từ nhiều chất liệu khác nhau như đá, mã não, thủy tinh, xương, vỏ nhuyễn thể, đồng, sắt, vàng, đất nung. Đáng chú ý

là các loại hạt chuỗi trang trí hình tròn, hình thoi dẹt, các khuyên tai hai đầu thú, hình khánh...



Hình 36,37,38: Một số đồ trang sức cư dân Đồng Nai (hình sưu tầm).

5. Nghề truyền thống:

Với địa hình khá bằng phẳng, lại được phù sa sông Đồng Nai màu mỡ vun bồi, người dân Đồng Nai đã sớm canh nông, sản xuất: trồng lúa nước, các loại hoa màu, cây ăn trái.

Đối với các nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống ở Đồng Nai từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỉ XX có thể kể đến như:

- Khai thác gỗ, nghề mộc (làm nhà, đóng đồ gỗ: nổi tiếng ở chợ Đồn), nghề đóng ghe xuồng (Tân Triều Tây, Tân Ba, Phước Thiên), nghề tiện (Hiệp Hưng, An Lộc), nghề chạm khắc gỗ (phần đông gốc thợ Thủ Dầu Một).

- Nghề đan lát bằng tre, mây (chà vông, tàu, cát, nước, rút, rút, đước, rá nước mọi), song mật, lá buông, mật cật (đặc biệt đan mũ bằng lá buông ở Long Thành, Phước Tân, Vĩnh Phước).

- Nghề dệt chiếu, đệm (lát, bàng, dên, cám, nhỏ, lũng).

- Nghề khai thác dầu cây/ nhựa (sao, vên vên), dầu rái.

- Nghề hầm than (từ các loại cây cầy, cò ke, ré, com nguội).

- Nghề làm thuốc nhuộm (từ cây dâm, cây sang, cà chi, vỏ vang lang).

- Nghề lấy mật và sáp ong (ở Bình Lâm Thượng, Phước Vĩnh Hạ).

- Nghề làm đường (Tân Triều).

- Nghề gốm và làm gạch ngói (Tân Hoà, Tân Thiên, Tân Vạn, Bửu Long).

- Nghề đúc (ở Bình Thạnh và Nhị Hoà, chủ yếu đúc chuông, chiêng, nồi đồng và lưỡi cày sắt).

- Nghề làm đá xanh/ granit (Bạch Khôi, Bình Điện, Tân Lại, Bình Trị, Bình Thạnh), khai thác đá ong/latêrit (Bình Đa, Nhựt Thạnh, Tân An, Tân Bản, Bình Dương, Long Điền, Phước Tân, An Lợi, Bình Ý, Tân Mai, Vĩnh Cửu, Tân Phong, Bình Thành, Long Thuận, Phước Long và Phước Kiển).



Hình 39: Một số tượng khắc đá, nghề truyền thống Biên Hòa

Sau đây là đặc điểm của một vài nghề truyền thống tiêu biểu nhất:

Nghề khai thác, điêu khắc đá ở Biên Hoà

Làng nghề này trải dài theo đường Huỳnh Văn Nghệ thuộc phường Bửu Long. Những người Hoa bang Hẹ từ Trung Quốc đến sinh sống đã hình thành nên làng nghề và phát triển cho đến ngày nay. Nhiều thế hệ gia đình

của người Hoa duy trì nghề truyền thống này với những cơ sở được phát triển, tham gia nhiều công trình kiến trúc nghệ thuật ở Nam Bộ. Nghề được truyền theo kiểu cha truyền con nối với những bí quyết trong các công đoạn chế tác sản phẩm. Những người làm nghề điêu khắc đá đòi hỏi sự cẩn trọng,



Hình 40: Hình minh họa một số tác phẩm của nghề điêu khắc đá Biên Hòa.

tính kiên trì, cẩn cù, tỉ mỉ và sự sáng tạo với tính mỹ thuật cao.

Sản phẩm điêu khắc từ làng nghề Bửu Long rất phong phú, chúng có mặt hầu hết trong các gia đình từ vật dụng, đồ dùng sinh hoạt (cối đá, ly, chén, bình đựng, bộ cờ....), các cấu kết kiến trúc trong nhà ở, chùa chiền, đình miếu (tán cột, kèo ngang....) hay các mảng trang trí, đồ thờ cúng (bát nhang, lư hương, đèn, mảng hoa văn, tượng linh thú...) trong tín ngưỡng, tôn giáo (tượng thờ, khám thờ, linh vị, bia, nhà mồ....). Tùy theo tính chất, công năng của của từng loại sản phẩm, nghệ nhân thực hiện đề tài chạm khắc phù hợp, mang tính mỹ thuật.

Trải qua hơn ba thế kỷ tồn tại, nhiều thăng trầm làng nghề đá Bửu Long đã sản sinh ra nhiều nghệ nhân tài hoa như Hà Kiều, Dương Văn Hai, Ngụy Đức Mỹ, Phạm Thành Đầu... Nhiều công trình kiến trúc trên đất Biên Hòa (miếu Tổ sư/ chùa Bà thiên Hậu, Thất phủ cổ miếu/ Chùa Ông, Văn

miêu Trần Biên) và nhiều cụm tượng đài ở các địa phương trên cả nước có sự đóng góp của bàn tay tài hoa của các nghệ nhân đá Biên Hoà.

Nghề làm gốm ở Biên Hoà

Vùng Biên Hoà – Đồng Nai có nguồn nguyên vật liệu thuận lợi cho nghề gốm phát triển. Trên vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai, qua phát hiện của khảo cổ học, cho thấy nghề gốm đã phát triển từ lâu đời. Trong các di chỉ khảo cổ, số lượng hiện vật gốm chiếm tỉ lệ lớn với nhiều loại hình, chủng loại. Qua nghiên cứu, các nhà khoa học cho rằng, các cư dân cổ trên vùng Biên Hoà – Đồng Nai trong tiến trình phát triển của mình đã biết chế tác đồ gốm với trình độ kỹ thuật, mỹ thuật cao. Nghĩa là có một truyền thống chế tác gốm mang phong cách của cộng đồng người cổ ở Đồng Nai. Đặc trưng của truyền thống gốm Đồng Nai thời cổ là sự đa dạng về chất liệu, màu sắc, sự phong phú về kiểu dáng, rắn chắc, mộc mạc trong trang trí, ổn định trong loại hình và dồi dào về số lượng.

Nghề gốm được xem là một nghề truyền thống ở Biên Hoà. Nói đến gốm Biên Hoà là nói về gốm mỹ nghệ. Gốm mỹ nghệ Biên Hoà phát triển mạnh từ đầu thế kỷ XX. Trước đó, sản phẩm gốm Biên Hoà đã phát triển khá mạnh nhưng chủ yếu là sản phẩm gốm gia dụng như: nồi, ơ, trà, trách, lu, hũ, chậu, ghè, ấm, chén,

đĩa... để sử dụng chứ chưa mang yếu tố trang trí mỹ thuật và chịu ảnh hưởng của nhiều nguồn.

Đặc biệt, từ khi Trường Bá nghệ Biên Hoà được thành lập vào năm 1903, dưới sự hỗ trợ của các chuyên viên người Pháp, những giáo viên đầu tiên của trường đã tập trung nghiên cứu, cải tạo qui trình sản xuất, tạo mẫu, pha chế men màu, đặc biệt là cải tạo nguyên liệu gốm... Qua nhiều lần thử nghiệm, năm 1923, nghệ nhân Biên Hoà đã chế tạo thành công "gốm mỹ nghệ Biên Hoà". Liên tiếp từ năm 1925 đến năm 1955, gốm mỹ nghệ được đem đi dự triển lãm quốc tế và giành được nhiều huy chương vàng tại Paris



Hình 41: Hình minh họa nghề làm gốm Biên Hoà

(1925, 1933), Indonesia (1934), Bangkok (1955)... Gốm mỹ nghệ Biên Hòa là sự kết hợp khéo nghệ thuật giữa Tây và ta, giữa cũ và mới, là sự kết tinh của kinh nghiệm điều luyện làm gốm thủ công cổ truyền với kỹ thuật hiện đại của công nghệ Pháp. Nhưng cái cốt lõi, cái hồn vẫn ở nguyên liệu đất Biên Hòa và men thực vật truyền thống do nghệ nhân Biên Hòa tạo nên. Kỹ thuật tạo hình gốm mỹ thuật Biên Hòa dựa trên ba phương pháp chính là: in, xoay và rót.

Gốm Biên Hoà ngày xưa đẹp về kiểu dáng, hoạ tiết và cả chất men. Gốm Biên Hoà có chất men độc đáo riêng. Chính điều này đã làm cho nó khác với gốm của các địa phương khác. “Độ lửa” đã làm cho gốm xưa có được sự hấp dẫn kỳ lạ của chất men. Đặc điểm gốm Đồng Nai và gốm Nam Bộ là kỹ thuật khắc, chạm men và lộng. Các kỹ thuật men truyền thống như trắng tàu, đỏ đá và xanh đồng trở ở Biên Hoà xưa rất cần được tập hợp, nghiên cứu và lưu giữ. Loại men này đang có nguy cơ bị mai một.

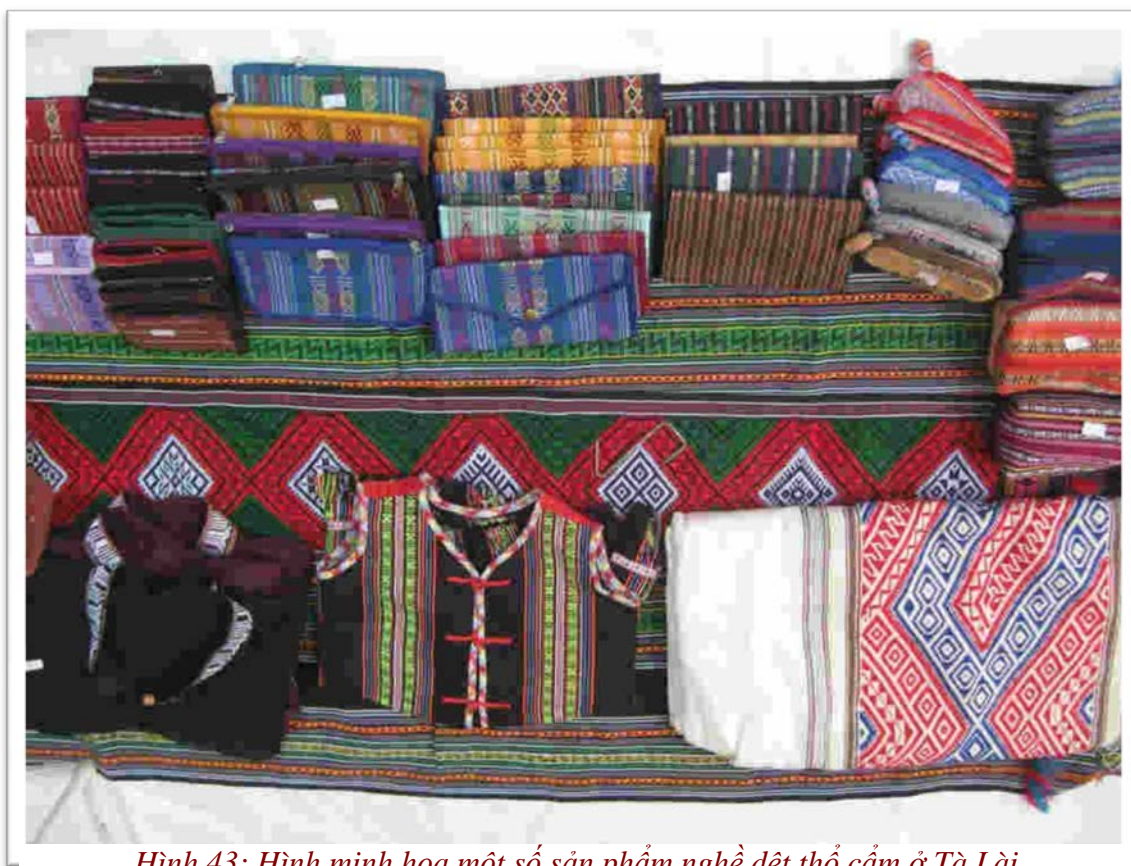


Hình 42: Hình minh họa gốm Biên Hòa

Sau này, những kỹ thuật làm gốm ngày càng được cải tiến và đi vào sản xuất chuyên nghiệp. Hiện nay, có nhiều xí nghiệp, tổ hợp, công ty sản xuất gốm. Và sản phẩm gốm Biên Hòa được xuất khẩu nhiều nước trên thế giới. Sự ra đời của gốm mỹ nghệ Biên Hòa là một bước ngoặt quan trọng trong phát triển nghề gốm ở Biên Hòa. Sản phẩm gốm Biên Hòa không chỉ đơn thuần với chức năng công dụng của từng loại hình mà còn mang giá trị thẩm mỹ, nghệ thuật cao.

Làng nghề dệt thổ cẩm ở Tà Lài

Đây là làng nghề của người Mạ ở xã Tà Lài huyện Tân Phú. Công việc dệt thổ cẩm với nhiều công đoạn là công việc hằng ngày của phụ nữ Mạ. Mỗi nhà, luôn có khung dệt, đồ cán sợi, xe chỉ. Trước đây, các nguyên liệu để dệt thổ cẩm đều tự tay người Mạ làm từ việc trồng bông làm sợi, xe chỉ cho đến việc lấy vỏ cây làm màu từ những loại cây trong rừng. Ngày nay, nghề dệt thổ cẩm Mạ vẫn còn duy trì trong cộng đồng nhưng, các khung quay, đồ cán sợi, xe chỉ không còn nữa. Qua nhiều dự án truyền dạy, nghề dệt thổ cẩm Mạ đang hồi sinh.



Hình 43: Hình minh họa một số sản phẩm nghề dệt thổ cẩm ở Tà Lài

Sản phẩm thổ cẩm truyền thống của người Mạ là chăn, váy, khố, dây quần đầu....Trên những sản phẩm đó, qua bàn tay khéo léo của người dệt, thổ cẩm của người Mạ có nhiều loại hoa văn trang trí đa dạng. Nó không chỉ là sự kết hợp khéo léo của màu sắc mà còn là biểu tượng cho cảm nghĩ, cách nhìn nhận về thế giới vốn phong phú của cộng đồng người Mạ. Tùy thuộc vào từng loại sản phẩm, công dụng của nó mà người Mạ trang trí các loại hoa văn có ý nghĩa. Các hoạt tiết thường thấy trên thổ cẩm Mạ như: cây đèn cầy, con bướm, hình người giã gạo, cái cối, con mắt...

Có nhiều biểu trưng hoa văn và ý nghĩa trên thổ cẩm của người Mạ. Hầu hết, nó liên quan đến tư duy của cộng đồng Mạ về cuộc sống, thế giới, và những tín niệm được đúc kết, trải nghiệm qua bao đời. Nhiều hoa văn được truyền qua nhiều thế hệ bởi những câu chuyện, trường ca...có liên quan đến nguồn gốc, phong tục



Hình 44: Nghề dệt thổ cẩm ở Tà Lài.

của tộc người Mạ. Chúng được thể hiện trên thổ cẩm với những nét tinh tế, sắc sảo qua sự khéo léo của mỗi người dệt; đặc biệt là những nghệ nhân. Và hơn nữa, khi dệt những hoa văn họa tiết trên thổ cẩm, mỗi sản phẩm làm ra không chỉ là công sức bỏ ra mà còn tình cảm của những người dệt gửi gắm vào đó.

Như vậy, do nhiều biến động của xã hội, nhiều dân tộc từ các nơi khác đã tìm đến vùng đất Nam Bộ sinh sống trong nhiều thời kỳ lịch sử. Sự cộng cư nhiều thành phần dân tộc nói chung, trong đó có cộng đồng người Việt đã góp phần làm đa dạng sắc thái văn hoá của vùng đất Nam Bộ. Những nguồn cội văn hoá của cư dân Việt từ Đàng Ngoài đến Đàng Trong trong diễn trình Nam tiến tiếp tục được nối mạch trên vùng đất Trán Biên – Biên Hoà – Gia Định – Nam Bộ.

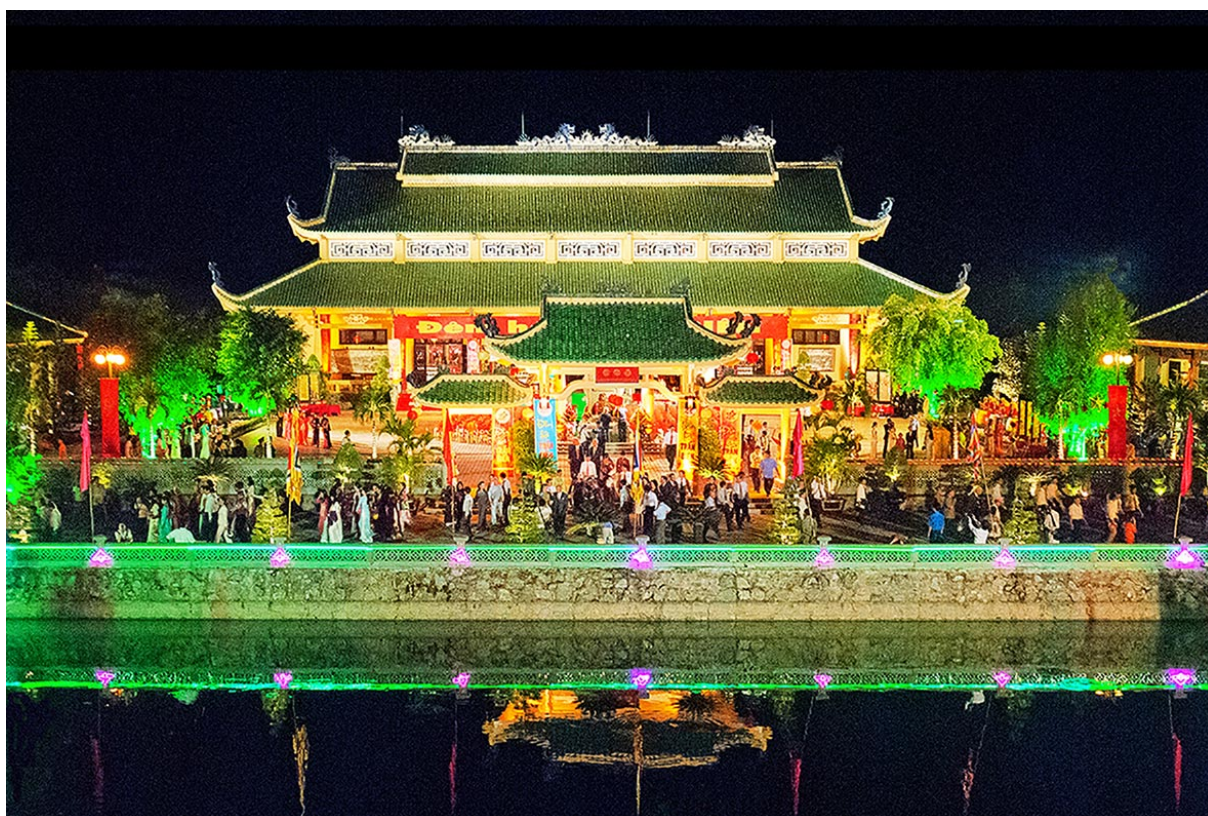
Câu 2:

I. Những hiểu biết và cảm nhận về di tích Văn miếu Trấn Biên:

Văn Miếu Trấn Biên Niềm tự hào của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

So với lịch sử bốn ngàn năm dựng nước, vùng đất Trấn Biên xưa – tức Biên Hoà– Đồng Nai ngày nay là vùng đất mới. Thật tự hào khi quê hương Đồng Nai tuy không phải là mảnh đất có bề dày lịch sử nhưng lại có một nơi như "Văn miếu Quốc Tử Giám" của Nam Bộ, biểu trưng cho truyền thống học tập, hào khí và văn hóa của người Việt phương Nam - Văn miếu Trấn Biên.

Văn Miếu là nơi thờ phụng các danh nhân văn hóa tiêu biểu của đất nước và là biểu trưng của nền văn hóa dân tộc.



Hình 45: Văn miếu Trấn Biên lung linh, ấm áp trong đêm xuân.

Tôi đã đến Văn miếu Trấn Biên vài lần nhưng với lí do công tác hoặc ngắm *Vườn hoa* tại đây vào buổi tối mỗi dịp Xuân đến nên chưa thực sự tham quan kĩ nơi đây. Văn miếu Trấn Biên buổi tối đẹp lung linh và trong sự lung linh ấy không kém phần tôn nghiêm, trang trọng. Đã tham gia cuộc thi “Tìm hiểu giá trị văn hóa – lịch sử Đồng Nai” một vài năm trước, mỗi khi lên *Google* tìm kiếm từ khóa “*Văn miếu Trấn Biên*” hoặc “*Di tích văn hóa tỉnh Đồng Nai*” sẽ có rất nhiều hình ảnh đẹp, khá nhiều tư liệu, bài viết hay về Văn miếu Trấn Biên. Điều đó càng thôi thúc tôi đến tham quan và bày tỏ lòng mến mộ, kính trọng đối với các bậc hiền tài.

Để hiểu hơn về Văn miếu Trấn Biên tôi đã tham khảo sách báo, các trang thông tin điện tử và được biết rằng:

Văn miếu Trấn Biên - Văn miếu đầu tiên của phương Nam

Văn miếu Trấn Biên là Văn miếu đầu tiên được xây dựng (năm Ất Mùi 1715) tại xứ Đàng Trong, tức chỉ sau 17 năm kể từ năm 1698 khi Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược phương Nam, Chúa Nguyễn Phúc Chu sai Nguyễn Phan Long - Trấn thủ dinh Trấn Biên và Ký lục Phạm Khánh Đức chọn lựa vị trí, thế đất đẹp, non xanh nước biếc, sơn thủy hữu tình để xây dựng Văn miếu Trấn Biên làm nơi bảo tồn, tôn vinh các giá trị văn hóa, giáo dục và đào tạo nhân tài phục vụ cho chế độ. Theo *Đại Nam nhất thống chí* ghi “*Ở địa phận thôn Tân Lại, huyện Phước Chính, cách tỉnh thành 2 dặm về phía Tây Bắc. Năm Ất Mùi, Hiến Tông thứ 25 (1715), Trấn thủ Dinh Trấn Biên là Nguyễn Phan Long và viên ký lục là Phạm Khánh Đức tìm đất để dựng, phía Nam trông ra sông Phước Giang (Đồng Nai), phía Bắc dựa vào núi Long Sơn, là một cảnh đẹp nhất ở Trấn Biên*”.

Tên gọi Trấn Biên bắt đầu từ đơn vị hành chính buổi ban đầu: Dinh Trấn Biên, huyện Phước Long, phủ Gia Định. Dinh là trại quan quân. Huyện Phước Long có địa giới được ước định khá rộng thuộc miền Đông Nam Bộ ngày nay, gồm: tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và một phần tỉnh Bình Thuận; một phần thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm quận 2, quận 9 và quận Thủ Đức hiện nay).

Văn miếu Trấn Biên từ khi xây dựng và trải qua những giai đoạn lịch sử của nhà Nguyễn luôn giữ một vị trí quan trọng trong đời sống của xã hội phương Nam lúc bấy giờ. Công trình Văn miếu Trấn Biên được sự quan tâm

của các triều vua Nguyễn cho trùng tu, xây dựng và mở rộng. Trong 146 năm đầu tồn tại, Văn miếu Trấn Biên được đại trùng tu hai lần:

- Lần trùng tu thứ nhất năm Giáp Dần (1794), đời Thế Tổ Cao Hoàng đế (Nguyễn Phúc Ánh) đã sai Lễ bộ Nguyễn Hồng Đô phụng mệnh tu bổ Văn miếu Trấn Biên.

- Lần trùng tu thứ hai vào năm Tự Đức thứ 5 (Nhâm Tý - 1852), với quy mô lớn hơn trước, theo *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn thì “...Đầu đời trung hưng nhà vua thường thân làm lễ, về sau sai quan tế thay. Năm Tự Đức thứ 5 (1852), Văn miếu Trấn Biên được tu bổ, chính đường và tiền đường đều năm gian; dựng thêm hai dãy tả vu và hữu vu, mỗi dãy năm gian; đền Khải Thánh, chính đường và tiền đường đều ba gian, một tòa cửa giữa ba gian, một tòa cửa trước một gian, một tòa kho đồ thờ ba gian, một tòa Khuê Văn các có hai tầng, ba gian hai chái; phía trước biển “Đại thành điện” đổi làm “Văn miếu điện” và “Khải thành điện” đổi làm “Khải Thánh từ””.



Hình 46: Toàn cảnh Văn miếu Trấn Biên nhìn từ trên cao (hình sưu tầm).

Việc xây dựng Văn miếu trên mảnh đất “Trần Biên” đối với chúa Nguyễn, không chỉ cho thấy sự sáng suốt của người đứng đầu xứ Đàng Trong; mà còn cho thấy nguyên lý xuyên suốt của sự nghiệp dựng nước luôn coi trọng việc kế thừa truyền thống văn hiến; không chỉ trên chiều dài của thời gian, mà cả trên chiều rộng của không gian gắn với sự nghiệp mở mang bờ cõi của dân tộc. Đó chính là sự tiếp nối mạch nguồn văn hóa, truyền thống trọng học của dân tộc, đánh dấu một bước quan trọng trong việc hình thành nền quốc học ở vùng đất mới. Được nhân dân địa phương gọi một cách trân trọng là “Văn thánh” thể hiện lòng thành và ngưỡng mộ đối với sự nghiệp vun trồng người. Và bởi lẽ thực dân Pháp biết được cái nền phát huy tinh thần hiếu học và trọng dụng nhân tài phát triển đất nước của người Việt phương Nam mà thẳng tay phá bỏ Văn Miếu khi chiếm đánh Biên Hòa năm 1861. Đến năm 1998, Văn Miếu mới được khôi phục lại và hoàn thành vào năm 2002 nhân kỷ niệm 300 năm Biên Hòa - Đồng Nai.



Hình 47: Tác giả chụp hình tại cổng Văn miếu Trần Biên

Đến thăm Văn miếu vào một buổi chiều cuối năm, những tia nắng cuối cùng của một ngày dài rọi chiếu trên những tán lá xanh, mùi thơm thoang thoang của nhang trầm khiến không gian nơi đây đượm thêm vị hoài

cổ, những vòm mái cong được lợp bằng ngói lưu ly màu xanh ngọc in dấu trên nền trời trong trẻo - một không gian thật thoáng đãng và yên bình.

Điều ấn tượng đầu tiên đối với tôi là “Văn miếu Môn” (Cổng Văn miếu) có kết cấu lầu gác, là lối đi chính dẫn vào khu thờ tự bên trong với lối kiến trúc độc đáo được mệnh danh là “*kinh thành Huế thu nhỏ*”.

Từ Văn miếu môn lần lượt là nhà Bia, Khuê Văn Các, hồ Thiên quang Tỉnh, bên phải hồ Thiên quang Tỉnh có Nhà đề Danh, bên trái có nhà truyền thống, tiếp đến là cổng Đại Thành, nhà thờ Đức Khổng Tử, bên phải có Thư Khố, bên trái có Văn Vật Khố và sau cùng là nhà thờ chính rộng lớn.

“TRẦN BIÊN – ĐỒNG NAI RẠNG RỠ NGÀN NĂM VĂN HIẾN”

Đó là câu văn trang trọng mở đầu cho Bài văn bia do Giáo sư - Anh hùng lao động Vũ Khiêu biên soạn, gồm 8 phần, mỗi phần gồm 10 câu, khắc trên hai mặt bia đá tại nhà Bia, đọc bài văn bia tôi đã hiểu được khái quát truyền thống văn hóa, giáo dục và lịch sử của dân tộc và của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, sự kiên trung, anh dũng và khát vọng của nhân dân Đồng Nai trong kỷ nguyên mới.

“Nhu nước Đại Việt ta từ trước

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu”

Nguyễn Trãi

Tiếp đến là Khuê Văn Các: gác vẻ đẹp ngôi sao Khuê, ngôi sao chủ đạo trong bầu trời văn học. Đứng trên lầu của Khuê Văn Các sẽ nhìn thấy bao quát toàn bộ cảnh vật của Văn miếu Trần Biên. Tất cả đều được bao phủ bởi màu xanh tĩnh lặng, chỉ có những đàn cá vàng nổi bật bơi lội dưới hồ Thiên quang Tỉnh, điểm tô bởi một vài búp sen thanh thoát.

Vòng qua phía bên phải hồ Thiên quang Tỉnh (*Giếng ánh sáng mặt trời*) là Nhà Đề danh chủ yếu dành cho bộ phận quản lý và hành chính của Văn miếu.

Đối diện Nhà Đề danh còn có Nhà truyền thống không những là nơi tổ chức các buổi họp mặt, tọa đàm giới thiệu và tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai và các hoạt động sinh hoạt văn hóa khác mà còn là nơi trưng bày triển lãm tranh ảnh, tư liệu về Văn

miếu Trấn Biên, ghi danh những đơn vị, cá nhân đạt được các danh hiệu Nhà nước.

Đại Thành môn
– Cổng trung tâm khi tiến vào nhà thờ Khổng tử và Nhà Bái đường. Lớp cổng của sự thành đạt lớn lao. Các nho sĩ ngày xưa khi đi thi đạt được trình độ học vấn uyên thâm thì sẽ được bước qua lớp cổng Đại Thành này vào khu thờ tự bên trong. Bước qua Đại Thành môn chúng ta đã đến gần hơn với những bậc tiền nhân, những người là biểu trưng của truyền thống hiếu học, những người làm nên lịch sử hào khí ngàn đời.



Hình 48: Tác giả chụp hình tại Đại Thành môn.

Tinh thần tôn sư trọng đạo, kính trọng tri thức của người Việt được thể hiện tại nhà thờ Khổng Tử, mặt trước là chân dung, phía trên ở vị trí chính giữa là chữ Văn (chữ Hán 文), ngay phía dưới chữ Văn là tên Khổng Tử viết bằng chữ Hán: 孔子. Khổng Tử (551 - 479 TCN) - ông được suy tôn như một trong những nhà khai sáng Nho giáo, ông còn là giảng sư và triết gia lỗi lạc bậc nhất cõi Á Đông lúc bấy giờ. Hai bên là đôi câu đối bằng chữ Hán:

Phiên âm:

*“Bất học Bất Tri lý,
Học nhi thời tập chi”*

Dịch nghĩa: *“Không học thì không biết đạo lý; học phải năng thực hành theo cái đã học được”.*

Bên phải nhà thờ Khổng tử là Nhà thư khố - nơi trưng bày các thư tịch cổ, các tài liệu, sách báo... viết về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai xưa và nay. Đứng đối hài hòa với Nhà thư khố là Nhà

Văn vật khó chính là nơi trưng bày 4 làng nghề truyền thống của Biên Hòa: nghề đồng, nghề mộc, nghề đá, nghề gốm.

Rộng lớn và uy nghi nhất khu Văn miếu Trấn Biên là nhà Bái đường (Nhà thờ chính): được xây dựng kiểu nhà ba gian hai chái, theo kiến trúc cổ, sơn son thếp vàng, nền lát gạch, trên các cột nhà treo đôi liễn đối. Không chỉ tôn vinh những danh nhân của đất Đồng Nai, của Nam bộ tại gian bên phải như: Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Đình Chiểu và ba vị được tôn xưng là “Gia Định Tam gia”: Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tịnh; mà gian bên trái còn tôn vinh nhiều danh nhân văn hóa của cả nước như: Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, danh sĩ - nhà giáo dục Chu Văn An, nhà bác học Lê Quý Đôn, hai nhà văn hóa lớn Nguyễn Du và Nguyễn Trãi.

Chính giữa Nhà Bái đường là gian thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh – “Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa kiệt xuất”. Người là tấm gương sáng của tinh thần trọng học. Xưa kia, Văn miếu Trấn Biên chỉ thờ Khổng Tử, đến nay, tinh thần trọng học đó vẫn còn được nhìn ngắm với tư tưởng Hồ Chí Minh, và trong thời đại Hồ Chí Minh, lấy chữ Văn với ý nghĩa là văn hóa - làm gốc. Ngoài các nhân vật thờ, trong Nhà Bái đường có những hiện vật thể hiện những văn hóa truyền thống của người Việt như: Chiêng đồng, Trống đồng, Văn bia Tiên sĩ năm 1442 (phục chế), Trống hội Thăng Long,... nhưng đặc biệt hơn cả là tủ thờ 18 ký đất và 18 ký nước mang về từ Đền Hùng biểu trưng cho 18 đời Vua Hùng - cội nguồn dân tộc.

Trong nhà thờ chính còn có bảng trích dẫn: *"Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh. Nguyên*



Hình 49: Tủ thờ 18 kg đất, 18 kg nước được mang về từ Đền Hùng được trưng bày trong Nhà thờ chính.

khí suy thì thể nước yếu mà thấp hèn..." trong Văn hóa tiến sĩ khoa Nhâm Tuất niên hiệu Đại Bảo thứ 3 (1442) tại Văn miếu Quốc Tử Giám – Hà Nội. Vận nước thịnh suy đều bắt nguồn từ đó, bởi vậy ngay từ thời Lý buổi đầu các đế thánh vương dốc tâm mở rộng việc học để bồi dưỡng nhân tài, kén chọn nghĩa sĩ.

Đọc theo trục D – D trên đỉnh của tòa nhà xuống những cửa vống bằng gỗ chạm lõng lồng 5 bức hoành phi đại tự trang trọng. Đi liền với các bức hoành phi còn treo các cặp câu đối để ở bốn hàng cột trong nhà và các cột nổi ở tường, như:

Nguyễn Hữu Cảnh định nghiệp Trấn Biên,

Lớp lớp anh tài giang lục tỉnh.

Võ Trường Toản mở trường Gia Định,

Đời đời sĩ khí nổi tam gia.

Tại bức Thiên thu nguyên khí:



Kèm theo câu đối: “*Dân tộc anh hùng sự nghiệp đi vào thiên kỷ mới
Đồng Nai hào khí tiền đồ vươn tới vạn trùng cao*”.

Câu đối rất hay, nói lên khí phách, tinh thần của nhân dân nói chung, trí thức nói riêng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Đồng Nai đi vào thiên kỷ mới. Với tinh thần ấy, tiền đề của văn hiến Đồng Nai sẽ còn vươn tới vạn trùng cao.

Trước năm 1802, hằng năm, đích thân chúa Nguyễn Phúc Ánh đến Văn miếu Trấn Biên để hành lễ hai lần vào mùa xuân và mùa thu. Nhưng từ khi chúa Nguyễn lên ngôi ở Huế, thì quan tổng trấn thành Gia Định, thay mặt vua, cùng với trấn quan Biên Hòa và quan đốc học đến hành lễ. Ở Biên Hòa, bên cạnh Văn miếu Trấn Biên là Tỉnh học (trường học tỉnh Biên Hòa). Trường học lớn của cả tỉnh này mãi đến đời vua Minh Mạng mới dời về thôn Tân Lại (nay thuộc phường Hòa Bình, Biên Hòa). Như vậy, ngoài vai

trò thờ phụng, Văn miếu Trấn Biên còn đóng vai trò như một trung tâm văn hóa, giáo dục của tỉnh Biên Hòa xưa và của cả Nam Bộ trước khi Văn miếu Gia Định ra đời vào năm 1824.

Khởi đầu sự tạo dựng Đàng Trong phải kể đến tầm nhìn chiến lược của chúa Nguyễn Hoàng, tiếp đó là các đời chúa Nguyễn đã tạo nên vương triều vững mạnh của riêng mình. Các chúa Nguyễn đã dựa trên cơ sở Nho học để tạo nguồn “*nguyên khí quốc gia*”. Trước đó, giáo dục và khoa cử dưới thời các chúa Nguyễn về cơ bản không có gì khác so với các triều đại phong kiến trước mà một số mặt không bài bản và quy củ như Đàng Ngoài. Việc xây dựng Văn miếu Trấn Biên chắc hẳn không tách rời ý đồ chính trị của chúa Nguyễn. Thế nhưng đó là sự tiếp nối mạch nguồn văn hóa, truyền thống trọng học của dân tộc, đánh dấu một bước quan trọng trong việc hình thành nền quốc học ở vùng đất mới. Văn miếu Trấn Biên được nhân dân địa phương gọi một cách trân trọng là “Văn thánh” thể hiện lòng thành và ngưỡng mộ của người phương Nam đối với sự nghiệp vun trồng người.



Hình 50: Bàn thờ các vị danh nhân văn hóa lịch sử trong Nhà thờ chính..

Với đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, tôn vinh, phụng thờ các bậc vĩ nhân, danh nhân tiêu biểu về văn hóa, giáo dục của dân tộc và của quê hương đã tạo nên nhân cách, nhân bản của mỗi con người Biên Hòa - Đồng Nai trong công cuộc xây dựng xã hội mới.

Giá trị truyền thống của Văn miếu Trấn Biên cho tới nay rất đáng trân trọng và đã sáng tạo những hình thức hoạt động đa dạng, đáp ứng được sự hưởng thụ của người dân địa phương.



Hình 51: Tượng thờ Bác Hồ đặt giữa nhà thờ chính.

Văn miếu Trấn Biên - Nơi phát huy các hoạt động văn hóa

Văn miếu Trấn Biên kể từ khi được phỏng dựng, đã vun đắp thành thiết chế văn hóa thiêng liêng mà vẫn thân thiện, gần gũi với mọi người, trở thành điểm hẹn văn hóa kết tinh và lan tỏa sâu rộng ở xứ Đồng Nai.

Xứng đáng là nơi bảo tồn, gìn giữ và tôn vinh các giá trị văn hóa - giáo dục của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, Văn Miếu Trấn Biên ngày càng thể hiện vai trò là trung tâm văn hóa - giáo dục của tỉnh Đồng Nai nói riêng và vùng đất phía Nam nói chung thông qua rất nhiều hoạt động, sự kiện được tổ chức hàng năm như: dâng hương tưởng nhớ chủ tịch Hồ Chí Minh; các hoạt động về nguồn, triển lãm, tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp các danh nhân văn hóa được thờ trong Văn miếu, tôn vinh những giá trị Di sản văn hóa, lịch sử, khoa học truyền thống và các giá trị văn hóa, khoa học hiện đại mang hơi thở của cuộc sống;... Đây là một trong các hoạt động truyền thống nhằm giáo dục thế hệ trẻ về

lịch sử dân tộc, lịch sử quê hương. Đồng thời, thông qua các buổi sinh hoạt, tạo sân chơi lành mạnh giúp học sinh các trường giao lưu, học hỏi hiểu biết thêm về danh nhân văn hóa dân tộc; động viên, khuyến khích học sinh noi gương các bậc tiền nhân phấn đấu hơn nữa trong việc nỗ lực vươn lên trong học tập lao động, cống hiến tài năng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt trong tiến trình đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và phát triển đất nước.

Bên cạnh đó, Trung tâm Văn miếu Trấn Biên còn phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị trong và ngoài tỉnh tổ chức lễ báo công, tuyên dương, khen thưởng, kết nạp Đoàn viên... tổ chức các hoạt động mang tính văn hóa dân gian như lễ hội, biểu diễn nghệ thuật, thả thuyền trên hồ và là nơi thưởng ngoạn của du khách trong và ngoài tỉnh với Đường hoa Trấn Biên những dịp Xuân về, Tết đến.

Ngoài ra, bên cạnh khu Văn miếu trấn biên còn có hội quán Trấn Biên – nơi giao lưu, tiếp đãi các đoàn khách đến thăm tỉnh, nơi ghi dấu những kỷ niệm của một đời người như: liên hoan, sinh nhật,... Ngay trong Hội quán Trấn Biên còn có tiệm *Cà phê Sách*, với kiến trúc phù hợp với tổng thể Văn miếu Trấn Biên, *Cà phê Sách* chính là một trong những nơi góp phần phát huy giá trị và truyền thống hiếu học của Văn miếu Trấn Biên. Phía đối diện và xung quanh



Hình 52: Hội quán Trấn Biên.

Văn miếu còn có các khuôn viên cây xanh

“Vườn tượng Văn miếu Trấn Biên” đặt tượng của các bậc danh nhân, văn hóa lịch sử, anh hùng dân tộc, có đầm sen dựng bia quần đảo Hoàng Sa, Trường sa... tất cả tạo nên một tổng thể kiến trúc mang đầy đủ văn hóa, lịch sử, địa lý của cả đất nước Việt Nam.

Không chỉ chứa đựng những giá trị về văn hóa, lịch sử, Văn Miếu Trấn Biên còn là một công trình đặc sắc về nghệ thuật, kiến trúc với phong cảnh thoáng mát, trang nhã lại gần với Khu du lịch Bửu Long nên thu hút đông đảo nhiều tầng lớp nhân dân trong và ngoài tỉnh, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành, các đoàn ngoại giao và các đoàn khách quốc tế ghé thăm. Mỗi năm, Văn miếu đón tiếp gần 300.000 lượt khách đến tham quan.

Văn miếu Trấn Biên - Di tích Quốc gia

Văn miếu Trấn Biên đã và đang nỗ lực không ngừng để thực hiện nhiệm vụ bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa của mình với vị thế và tầm quan trọng nhất định trong sinh hoạt văn hóa của tỉnh Đồng Nai. Hoạt động của Văn miếu Trấn Biên hướng đến việc gắn kết chặt chẽ trong quy hoạch phát triển chung của tỉnh Đồng Nai trong định hướng phát triển văn hóa – du lịch trong tương lai.

Ngày 18 tháng 8 năm 2016, Văn miếu Trấn Biên vinh dự được đón nhận quyết định về việc xếp hạng Di tích cấp Quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trao tặng. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhằm phát huy những giá trị văn hóa, khẳng định vị thế của Văn miếu Trấn Biên trong đời sống tinh thần của người dân Đồng Nai



và vùng đất Nam bộ.

Kết thúc buổi tham quan Văn miếu

Trấn Biên, trong tôi không chỉ đọng lại những ký ức đẹp của một chuyến đi, hiểu biết nhiều hơn về những con người, những sự kiện lịch sử, những nền

Hình 53: Bằng xếp hạng Di tích Quốc gia được đặt trang trọng trong nhà thờ chính.

văn hóa truyền thống, tinh thần trọng học, kính trọng nhân tài từ thuở xưa tiếp nối cho mai sau mà điều quan trọng hơn cả là trong tôi thôi thúc mạnh mẽ tinh thần học tập, phải cố gắng hơn nữa, phải tích cực học hỏi, noi gương lớp lớp cha anh đi trước, xứng đáng là người dân nước Việt, người con của đất Đồng Nai trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Văn miếu Trấn Biên hôm nay mãi mãi là vẻ đẹp huyền diệu, niềm tự hào của xứ sở Đồng Nai.



II. Những giải pháp thiết thực về hoạt động phát huy di tích Văn miếu Trấn Biên nhân dịp kỷ niệm 320 năm hình thành, phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai (1698 - 2018):

***** Để có những giải pháp thiết thực đối với việc phát huy di tích của tỉnh nhà chúng ta cần phải hiểu rõ ý nghĩa của di tích và tầm quan trọng của nó đối với dân tộc và những chủ trương của Đảng và Nhà nước ta đối với di tích lịch sử văn hóa.

Di tích là những bằng chứng vật chất có ý nghĩa quan trọng, minh chứng về lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Di tích giúp cho con người biết được cội nguồn của dân tộc mình, hiểu về truyền thống lịch sử, đặc trưng văn hoá của đất nước và do đó có tác động ngược trở lại tới việc hình thành nhân cách con người Việt Nam hiện đại.

Di tích lịch sử văn hoá là tài sản vô giá trong kho tàng di sản văn hoá lâu đời của dân tộc, là những chứng tích vật chất phản ánh sâu sắc nhất về đặc trưng văn hoá, về cội nguồn và truyền thống đấu tranh dựng nước, giữ nước hào hùng, vĩ đại của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, đồng thời là một bộ phận cấu thành kho tàng di sản văn hoá nhân loại.

Luật Di sản văn hoá được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khoá X kỳ họp thứ 9 thông qua đã khẳng định “*Di sản văn hoá Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của Di sản văn hoá nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta*”. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã xác định 10 nhiệm vụ về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trong đó nhiệm vụ thứ tư là bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa. Nghị quyết đã chỉ rõ nội dung của nhiệm vụ này như sau: “*Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo*


tôn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể”.



Hình 54: Tác giả chụp hình trước Nhà thờ chính.

Di tích chứa đựng những giá trị to lớn nếu bị mất đi không đơn thuần là mất tài sản vật chất, mà là mất đi những giá trị tinh thần lớn lao không gì bù đắp nổi. Di tích Văn miếu Trần Biên đã gắn bó với mảnh đất Đồng Nai từ buổi sơ khai khởi dựng, không chỉ liên quan tới các sự kiện lịch sử, sự kế thừa và phát huy của truyền thống hiếu học mà còn liên quan đến các nhân vật lịch sử có những đóng góp, ảnh hưởng lớn tới sự hình thành và phát triển của tỉnh Đồng Nai. Đến với di tích Văn miếu Trần Biên, khách tham quan như được đọc cuốn sử ghi chép về những con người ấy, những sự kiện tiêu biểu, được cảm nhận một cách chân thực về lịch sử, về những văn hóa truyền thống của tỉnh nhà, những cảm nhận không dễ có được khi chỉ đọc những tư liệu ghi chép của đời sau.

Nhìn chung, nhận thức của toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa, giá trị của di sản văn hóa nói chung, di tích Văn miếu Trần Biên nói riêng ngày càng được nâng cao. Bảo vệ di tích, phát huy giá trị của di tích phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đấu tranh chống vi phạm đã trở thành nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân tỉnh Đồng Nai.

 Tuy nhiên, hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích Văn miếu Trấn Biên còn bộc lộ không ít thiếu sót, có thể kể đến một vài nguyên nhân cơ bản như sau:

- Công tác tuyên truyền về di tích chưa được chú trọng, thông tin về di tích hạn chế. Thiếu những cuốn sách cẩm nang về di tích để phục vụ du khách, không nói đâu xa những người bạn của tôi khi hỏi hiểu biết của họ về Văn miếu Trấn Biên họ đơn thuần chỉ biết Văn miếu nằm ở phường Bửu Long, mỗi dịp Tết tại Văn miếu có đường hoa, hoặc đơn thuần chỉ biết ở Đồng Nai có Văn miếu Trấn Biên thông qua vài trang bìa sách hoặc lịch treo tường,... rằng hình ảnh Đồng Nai luôn gắn liền với hình ảnh Văn miếu Trấn Biên. Vậy có thể thấy, mặc dù nhận thức, trách nhiệm của các ngành, các cấp và của toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa của di tích đã được nâng cao nhưng chưa sâu sắc và toàn diện và cũng chưa được cụ thể hóa bằng các biện pháp, kế hoạch và chương trình cụ thể.

- Hoạt động tổ chức giới thiệu tại di tích chưa được làm một cách khoa học, bài bản. Việc sản xuất đồ lưu niệm đặc trưng riêng của tỉnh nhà phục vụ khách tham quan chưa được chú ý. Cây cối tại Văn miếu chưa được chăm sóc và cắt tỉa thường xuyên làm kém phần tôn nghiêm khu du khách đến tham quan.

- Tư liệu và cách trưng bày tại Văn miếu Trấn Biên vẫn còn đơn điệu, thiếu thu hút.

- Chúng ta còn lúng túng trong việc xử lý một cách hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, chưa nhận thức thật sâu sắc vị trí, vai trò của di tích trong quá trình đổi mới đất nước...

➡ Như vậy, để phát huy giá trị di tích đặc biệt là trong dịp kỷ niệm 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1698-2018) tôi xin trình bày một số quan điểm, giải pháp như sau:

- Sớm hoàn chỉnh hệ thống chính sách về di tích, nhất là những chính sách về xã hội hóa hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Từ đó, nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương; sự tham gia tích cực, hiệu quả của Mặt trận, các ban, ngành, đoàn thể và sự đồng tình hưởng ứng, phát huy trách nhiệm, tinh thần của nhân dân, nhất là đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận

thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc giữ gìn, phát huy các giá trị của di tích lịch sử văn hóa của quê hương mình. Phải làm cho toàn thể quần chúng nhân dân nhận thức rõ được việc bảo vệ và phát huy giá trị của di tích là nền tảng, là nguồn động lực cho sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước, là quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người và của cả cộng đồng. Đặc biệt, chú trọng tới đối tượng thanh thiếu niên, triển khai có hiệu quả khẩu hiệu “*Di sản nằm trong tay thế hệ trẻ*” của UNESCO. ICOMOS nhấn mạnh tới “*một chương trình thông tin đại cương*” cho mọi người, bắt đầu từ trẻ em ở tuổi đến trường.

+ Để việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho quần chúng nhân dân đối với công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa đạt được hiệu quả cần thường xuyên mở các lớp tập huấn về nội dung *Luật Di sản văn hóa*, Nghị định 90, 92, 70... mở rộng đối tượng được tham gia tập huấn kể cả quần chúng nhân dân làm cho *Luật Di sản văn hóa* và các văn bản pháp quy thực sự đi vào đời sống xã hội. Phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của nhân dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích.



Hình 55: Bên trong tiệm Cà phê Sách – Hội quán Trấn Biên (hình minh họa).

+ Hiện nay công nghệ thông tin ngày càng phát triển, mọi người đều có thể tiếp cận và với nhiều người nhất là giới trẻ hiện nay thì đây là phương tiện thường xuyên, không thể thiếu. Chính vì vậy, việc áp dụng công nghệ thông tin để giới thiệu truyền bá hệ thống di tích lịch sử của Đồng Nai là rất cần thiết, các trang web, trang Facebook của Đồng Nai, ví dụ như: *BIEN HOA YOUNG*, *Người Đồng Nai*, hay trang *Thanh niên Đồng Nai*... nên thường xuyên cập nhật kịp thời các hình ảnh, tư liệu, bài viết, các chương trình văn hóa, lễ hội diễn ra không chỉ tại Văn miếu Trấn Biên mà đối với tất cả các di tích văn hóa lịch sử khác của tỉnh... để đồng đảo mọi người được biết, đặc biệt là các bạn trẻ.

Điều quan trọng nhất là phải lập hoặc xác định một trang web chính thống, được quản lý chặt chẽ và khuyến dùng đối với toàn thể tầng lớp nhân dân, học sinh, sinh viên trong tỉnh và cả ngoài tỉnh về những kiến thức, những bài viết, tư liệu, hình ảnh về vùng đất, con người, lịch sử, văn hóa Đồng Nai... những bài viết trên phải được kiểm định kỹ lưỡng và chính xác để bất kể ai mong muốn có nguồn tài liệu trên mạng đều cảm thấy an tâm về chất lượng cũng như độ chính xác, đáng tin cậy. Bởi trên mạng điện tử hiện nay, có rất nhiều bài viết, tư liệu trên các trang thông tin khác nhau; tuy nhiên, các bài viết thường được viết theo ý chủ quan, chưa qua kiểm chứng, nhiều bài viết cùng một thông tin nhưng dữ liệu không trùng khớp gây hoang mang cho người đọc.

+ Phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình nhằm tuyên truyền, quảng bá các giá trị của di tích lịch sử văn hoá. Nhất là trong dịp kỉ niệm 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1698-2018), việc quảng bá lịch sử tỉnh Đồng Nai không tách rời ý nghĩa vai trò của Văn Miếu Trấn Biên.



Hình 56: Hoạt động văn hóa tại Văn miếu Trấn Biên (hình minh họa).

+ Gắn liền việc tuyên truyền, giáo dục về lịch sử địa phương từ trong ghế nhà trường đối với các học sinh trong toàn tỉnh. Điều này đặc biệt quan trọng, vì sau khi kết thúc chương trình học phổ thông, mỗi học sinh sẽ lựa chọn cho mình một hướng đi khác nhau, nếu mỗi bạn là một đại sứ giúp lan tỏa những đặc trưng tốt đẹp của vùng đất quê hương thì ắt hẳn nó sẽ được phát huy một cách tốt nhất đến khắp mọi miền đất nước. Chẳng hạn: chương trình phổ thông có học địa lý địa phương, hoặc hiện nay còn có chương trình học lịch sử địa phương, các buổi học ngoại khóa, ta có thể lồng ghép thêm phần tìm hiểu các di tích lịch sử, tổ chức các buổi tham quan, về nguồn... Sau buổi tham quan di tích yêu cầu học sinh viết tay bài cảm nhận hoặc bài thu hoạch, không được sao chép giống nhau, thầy cô chấm bài lấy điểm rèn luyện, điểm cộng vào môn địa lý, lịch sử... hoặc có hình thức động viên trao giải, khen thưởng những bài viết hay. Điều này không những giúp các em học sinh hiểu biết hơn về lịch sử tỉnh nhà, phát huy tinh thần hiếu học mà thông qua đó, ta biết được suy nghĩ của các em đối với những nơi bảo tồn di tích, sự kiện lịch sử từ đó tìm ra được những giải pháp khắc phục hạn chế còn tồn tại, vì bảo vệ và gìn giữ thành quả lịch sử chính là cho thế hệ tương lai.

- Áp dụng những thành tựu khoa học và kỹ thuật mới nhất vào lĩnh vực bảo tồn và phát huy di tích: thành tựu tin học phục vụ cho việc xây dựng và quản lý hệ thống dữ liệu về di tích và bảo tàng; ứng dụng hoá chất vào việc bảo quản di tích; sử dụng vật liệu hiện đại cho việc tu bổ di tích.



Hình 57: Thông điệp “ Học nữa Học mãi” tại Vườn hoa ở Văn Miếu trấn Biên (hình minh họa).

Chẳng hạn, tôi rất muốn xem nội dung một cuốn sách được trưng bày trong Thư khố nhưng không thể được, vậy chúng ta cần xây dựng thêm hình thức thư viện điện tử, các vật phẩm trưng bày tại Văn vật khố và Thư khố cần số hóa, ứng dụng công nghệ để xem được sách trưng bày bên trong, đồng thời có sự chỉnh lý bổ sung hồ sơ lý lịch hiện vật cho phong phú hơn góp phần tăng cường tính hấp dẫn, nhất là đối với giới trẻ.

- Giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, với quan điểm di tích là cái đang có, cái không thể thay thế, nên vì sự phát triển bền vững, vì lợi ích cộng đồng, lợi ích của các thế hệ hôm nay và mai sau thì cái mới, cái xây dựng sau cần phải hết sức tôn trọng di sản gốc.

- Tăng cường đầu tư, sáng tạo khai thác việc xã hội hóa các hoạt động du lịch, hoạt động về nguồn gắn liền với giữ gìn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng tiêu biểu; ngành văn hóa chủ động trong công tác tham mưu, nhất là việc hoàn thiện các tiêu chí, quy định về xây dựng, quản lý các di tích chẳng hạn như:

+ Lập trang web, liên kết với những hãng du lịch, lữ hành hoạt động tại Đồng Nai, kết nối tour với các điểm du lịch gần kề (Khu du lịch Bửu Long, nhà cổ ông giáo Hảo, làng bưởi Tân Triều, làng nghề đá, nhà cổ Trần Ngọc Du...); tham quan các khu di tích là một hoạt động rất khô khan vì thế trong dịp kỉ niệm 320 năm vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, việc thực hiện các tour cần có nhiều ưu đãi khuyến mãi, tổ chức trò chơi, tặng quà kèm logo kỉ niệm 320 năm có hình ảnh Văn miếu Trấn Biên,... để thu hút khách du lịch. *Đối với chương trình tổ chức tour tôi xin kể lại kỉ niệm đáng nhớ trong đợt du lịch vừa qua tại Nha Trang, tôi đã đi tour 4 đảo với giá vé bình dân với nhiều khách du lịch đến từ nhiều nơi trên thế giới, tôi và người bạn nghĩ sẽ thật buồn chán, tẻ nhạt bởi vì mình không quen biết ai, lại có nhiều người bất đồng ngôn ngữ, biển gió và trời thì rất nắng. Nhưng các anh hướng dẫn ở đây rất vui vẻ, suốt tuyến họ giới thiệu kỹ về các địa điểm tham quan, đáp ứng các câu hỏi của du khách, buổi trưa họ tổ chức ăn cơm theo kiểu bữa ăn gia đình ngay trên thuyền. Những chiếc ghế được xếp lại thành bàn ăn, tất cả mọi người cùng quây quần ăn cơm cùng nhau và những chiếc bàn ăn đó chính là sân khấu nhạc sống karaoke sau bữa trưa, có hẳn một ban nhạc (nghệ dư) nhé, khách du lịch được lên giới thiệu điều mà mình muốn sau đó hát và nhảy một ca khúc mình yêu thích. Điều quan trọng*

hơn cả, tôi nghĩ anh MC chỉ giỏi tiếng Anh hoặc tiếng Trung thôi, tuy nhiên anh ấy biết hát một vài bài hát và vài câu giao tiếp căn bản của các nước khác nên anh ấy có thể hát tặng họ, hát cùng với họ hoặc nhảy cùng với họ khiến không một ai cảm thấy mình bị bỏ rơi. Sau đó, họ tổ chức trò chơi, có phần thưởng tuy là chỉ nho nhỏ và vui thôi nhưng ai cũng rất hưởng ứng và phấn khích. Tất cả khách du lịch trên thuyền tuy không phải ai cũng kết bạn với nhau nhưng ai cũng trao cho nhau ánh mắt và nụ cười. Bởi vậy, thuyền chúng tôi tuy nhỏ và không được đẹp bằng những thuyền khác nhưng phải khiến những thuyền khác ngoái nhìn và ao ước không khí vui vẻ ở đó. Khi chương trình kết thúc, không ai cảm thấy mệt mỏi sau một ngày dài lênh đênh giữa biển đảo mà đọng lại trong họ là những kỷ ức tốt đẹp, sự lưu luyến của một buổi tham quan đầy thú vị. Bản thân tôi đã chụp hình lại chiếc thuyền cùng số điện thoại để ai đó đi tôi sẽ chia sẻ với họ, năm sau gia đình tôi đến đây cũng sẽ đăng ký tham quan trên chiếc thuyền này. Tôi kể kỉ niệm trên để chúng ta cùng thấy tầm quan trọng của một chương trình du lịch, sự hữu ích của nó khi giúp quảng bá du lịch văn hóa của tỉnh Đồng Nai thêm phát triển.

+ Đặc biệt, muốn hoạt động khai thác di tích phục vụ phát triển du lịch được đầy mạnh và đạt hiệu quả, cần phải tăng cường công tác quảng bá, tiếp thị, tập trung giới thiệu rộng rãi các di tích dưới góc độ tài nguyên du lịch văn hoá cho du khách trong và ngoài nước thông qua ấn phẩm quảng cáo, tập gấp, sách hướng dẫn, mạng Internet, các cuộc hội chợ, triển lãm...

+ Bên cạnh đó, cần có bảng hướng dẫn chỉ đường chi tiết vào Văn miếu, và đặc biệt là xây dựng tuyến xe buýt đi ngang Văn miếu, điều này không những giúp tăng cường phương tiện giao thông đến Văn miếu mà hành khách trên xe đi ngang cũng biết thêm về di tích và trên xe buýt gắn địa điểm Văn miếu Trấn Biên còn góp phần quảng bá di tích đến đông đảo quần chúng hơn.

- Việc thanh tra, kiểm tra hoạt động quản lý di tích cần phải tiến hành một cách khoa học, xây dựng thành kế hoạch kiểm tra từng thời điểm trong năm bằng hình thức kiểm tra định kì và cũng có thể tiến hành kiểm tra đột xuất. Qua đó sẽ thấy được những thành tựu cũng như tồn tại trong công tác quản lý ở cấp cơ sở, nhờ đó đưa ra được những phương hướng sửa đổi, bổ sung kịp thời. Một vấn đề quan trọng và cần thiết là việc tiếp nhận đơn

thư tố giác tình trạng vi phạm di tích hoặc tình trạng xuất hiện những hoạt động lệch chuẩn, cơ quan chức năng cần phải lắng nghe cũng như lập đoàn công tác xuống địa bàn tìm hướng giải quyết kịp thời. Qua đó, phát hiện biểu dương những tổ chức, cá nhân tích cực, đồng thời phê phán, xử lý nghiêm những biểu hiện tiêu cực, những trường hợp vi phạm làm ảnh hưởng xấu đến di tích.

- Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực cho bảo tồn và phát huy giá trị di tích, bao gồm đội ngũ quản lý, đội ngũ nghiên cứu về di tích, các kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng, kỹ thuật viên, thợ nghề, nghệ nhân, những



Hình 58,59: Du khách đến tham quan và cho cá ăn tại hồ Thiên quang tỉnh (hình minh họa).

người làm công tác bảo vệ di tích Văn miếu Trấn Biên...

+ Việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của di tích, UBND tỉnh Đồng Nai cần có chính sách đãi ngộ đối với người trực tiếp trông coi tại di tích. Hàng năm, có chế độ đào tạo, đãi ngộ hợp lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bảo tồn, bảo tàng để mọi người yên tâm gắn bó với nghề, như vậy họ cũng hăng hái, nhiệt tình và có trách nhiệm hơn với di tích. Đồng thời, có hình thức động viên khen thưởng cho những người có công phát hiện, gìn giữ, bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử.

+ Đặc biệt là, cần nâng cao chất lượng hoạt động thuyết minh hướng dẫn tại các điểm tham quan di tích bằng cách tăng cường đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên du lịch và các thuyết minh viên để đạt yêu cầu cao về trình độ, ngoại ngữ, cách giao tiếp ứng xử với khách. Tổ chức lại việc đón tiếp

khách, giới thiệu, trưng bày và tổ chức các sự kiện tránh cảm giác nhàm chán.



Hình 60: Các bạn trẻ đến tham quan Di tích Văn miếu Trấn Biên.

- Các khoảng không gian trống cần thiết có thể bổ sung thêm cây xanh lớn để tăng thêm nét trầm mặc và uy nghi cho kiến trúc tổng thể và tạo cảm giác trong lành, hài hòa hơn khi bước chân vào Văn Miếu; cây, cỏ tại Văn miếu cần được cắt tỉa cẩn thận và thường xuyên hơn, tránh làm ảnh hưởng đến nét tôn nghiêm và thị giác của khách tham quan đến Văn miếu.

Trên đây là một vài giải pháp góp phần phát huy di tích Văn miếu Trấn Biên nhân dịp kỷ niệm 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1698-2018). Bản thân tôi, một người dân của đất Đồng Nai, một chiến sĩ Công an nhân dân sẵn sàng làm hết sức mình trong công tác bảo vệ, phát huy di tích văn hóa của tỉnh nhà.

Di tích Văn miếu Trấn Biên là tài sản vô giá không chỉ của tỉnh Đồng Nai mà còn của cả quốc gia, dân tộc. Cũng như các di tích trong cả nước, đặc biệt là các di tích Văn miếu khác thì di tích Văn miếu Trấn Biên cũng vừa là thiết chế văn hóa, giáo dục, vừa là một bảo tàng nghệ thuật, vừa

là sân khấu hóa về vật thể. Di tích lịch sử văn hóa lưu giữ bức thông điệp mà các thế hệ đi trước đã để lại, thông qua đó gửi gắm những suy nghĩ về công cuộc đấu tranh cho sự nghiệp xây dựng, giải phóng và bảo vệ đất nước, để thế hệ trẻ hôm nay và mai sau có thể tìm lại lịch sử oai hùng của cha ông trên nhiều bình diện khác nhau.

Việc quản lý nhằm giữ gìn những di sản văn hóa cho hôm nay và mai sau thể hiện sự biết ơn của chúng ta đối với các bậc tiền nhân. Đó cũng là thể hiện cụ thể lòng yêu nước của thế hệ hôm nay bằng ý thức giữ gìn, vun đắp những truyền thống tốt đẹp của cha ông. Sức mạnh của di sản văn hóa đã góp phần phát huy tính tích cực, gương mẫu trong phong trào thi đua yêu nước, lao động sáng tạo, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tiêu cực, tha hóa về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống trong nền kinh tế thị trường, vững bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.



Hình 61: Văn miếu Trấn Biên một đêm xuân.


Hết


Tài liệu tham khảo

Sách tham khảo

 Hỏi đáp về Biên Hòa – Đồng Nai, tác giả: Phan Đình dững – Nguyễn Thanh Lợi, NXB. Đồng Nai.

 Văn hóa, Văn vật Đồng Nai, tác giả: Nguyễn Thị Nguyệt, NXB. Đồng Nai.

 Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành & phát triển, tác giả: Ban chỉ đạo lễ kỷ niệm 300 năm vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, Nxb Đồng Nai 1998.


 Biên Hòa xưa, tác giả: Ban Thường vụ Thành ủy Biên hòa, Nhà xuất bản Đồng Nai.

Các trang điện tử:

 Thư viện Đồng Nai: <http://www.thuviendongnai.gov.vn>

 Báo Đồng Nai: <http://baodongnai.com.vn>

 Ban Tuyên giáo: <http://tuyengiao.dost-dongnai.gov.vn>

 Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai <http://dost-dongnai.gov.vn>

 Wikipedia tiếng Việt: <https://vi.wikipedia.org>

- Và một số tư liệu tham khảo khác.



